

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG

SAO MAI CONSCORP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG



KHU ĐÔ THỊ CAO CẤP SAO MAI

An Giang, ngày 18 tháng 4 năm 2013



TRỤ SỞ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG **SAO MAI**



11/3/2008



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Địa chỉ : 290/6 Đường 955, K. Xuân Hòa, TT Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên - Tỉnh An Giang
Điện thoại : 076.2211326



THƯ NGỎ

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG SAO MAI AN GIANG

Kính thưa: QUÝ CỔ ĐÔNG

Trong bối cảnh nền kinh tế bị suy thoái, năm 2012 chúng ta lại chứng kiến thêm hàng nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động, phá sản hoặc chết lâm sàng. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận doanh nghiệp trụ vững bất chấp những **cơn áp thấp nhiệt đới khủng hoảng** đang hoành hành. Thực tiễn đã cho thấy, khủng hoảng cũng sẽ có những doanh nghiệp “*ra đi*” nhưng vẫn có doanh nghiệp ổn định và phát triển. Thuận lợi hay khó khăn cũng đều mang đến cơ hội cho mỗi doanh nghiệp hơn nhau ở chỗ là nhận thức và nắm bắt ra sao.

Vì vậy, chúng ta đừng nên thái quá và cường điệu **khủng hoảng** mà hãy nhìn nó với cấp độ dễ chịu hơn đó là **tình hình không bình thường**. Một khi mỗi người chúng ta tự không chế được sự khủng hoảng trong tư duy của mình thì chắc chắn sẽ không quá khó tìm ra lối thoát hiểm cho công việc. Bất luận trong thời điểm nào, bản lĩnh của người lãnh đạo rất quan trọng, cần vững vàng trong khó khăn và **nghệ thuật** trong lèo lái. Cũng có thể do công việc lúc nào cũng bận rộn và đôi khi bị chi phối rất nhiều bởi các yếu tố khác nhưng chúng ta phải hết sức tỉnh táo, bình tĩnh nhận định để có thái độ ứng xử phù hợp tránh bước đi sai lầm.

Thưa Quý cổ đông! Khủng hoảng kinh tế trên phạm vi toàn cầu vẫn đang diễn biến phức tạp gây nhiều ách tắc trong sản xuất kinh doanh ở tất cả các lĩnh vực đã khiến cho rất nhiều doanh nghiệp phải khốn đốn. Tuy nhiên, với hơn 30 năm ở vị trí là thủ lĩnh, theo tôi ngoài chiến lược kinh doanh phù hợp thì yếu tố quan trọng cũng như tiên quyết giúp doanh nghiệp đứng vững và vượt qua mọi sóng gió chính là “**sự đoàn kết**”. Một khi đoàn kết thì chúng ta sẽ tập trung được sức mạnh, phát huy sự sáng tạo của tập thể trong sản xuất kinh doanh. Điều này có thể được chứng minh qua chặng đường 25 năm hình thành và phát triển của Sao Mai. Tuy đôi lúc cũng có những khúc quanh nhưng nhờ có sự đoàn kết mà Sao Mai đã vượt qua tất cả. Vì lẽ đó, tôi xem đây là **bứu bối** luôn gìn giữ và phát huy, cho nên hơn lúc nào hết trong lúc này, Ban lãnh đạo công ty rất cần sự ủng hộ và chia sẻ của quý cổ đông như bao lâu nay chúng đã kề vai sát cánh bên nhau. Chúng ta nên bình tĩnh, đoàn kết, hiến kế để cùng lèo lái đưa con thuyền Sao Mai vượt qua sóng gió thời **bất bình thường**, tiến tới phát triển và điều này rất có giá trị trong bất cứ giai đoạn nào. Tôi tin rằng sự trải nghiệm ứng phó với khủng hoảng của Ban lãnh đạo cùng tinh thần làm việc có trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên công ty là điều kiện để chúng ta vượt qua cơn bão khủng hoảng kinh tế, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2013 và tận dụng cơ hội thời hậu khủng hoảng để nâng thương hiệu Sao Mai lên một tầm cao mới.

Trước khi dứt lời, tôi xin thay mặt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV công ty gửi lời chúc sức khỏe đến quý cổ đông, chúc cho sự hợp tác của chúng ta luôn hiệu quả và phát triển bền vững.

Trân trọng kính chào!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Kỹ sư Lê Thanh Thuận





MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	1
I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	1
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	1
1. Thành lập:	1
2. Niêm yết và phát hành cổ phiếu	3
3. Các sự kiện khác	4
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG	5
1. Ngành nghề kinh doanh	5
2. Địa bàn hoạt động	5
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	6
1. Mô hình quản trị	6
2. Cơ cấu tổ chức	6
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	9-12
4. Các công ty con, công ty liên kết:	14
4.1. Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát:	14
4.2. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia – IDI:	14
4.3. Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco):	15
4.4. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR):	15
4.5. Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF):	16
4.6. Công ty cổ phần đầu tư địa ốc và khoáng sản Châu Á (AIM):	16
4.7. Công ty cổ phần Nhựt Hồng:	17
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	18
1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	18
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	18
2.1. Về bộ máy, nhân sự	18
2.2. Về đầu tư, kinh doanh	18
3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty	19
VI. CÁC RỦI RO:	20
1. Ngành Bất động sản:	20
2. Ngành thủy sản:	20
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	21
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	21
1. Tình hình chung:	21
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:	21
3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	22
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	24
1. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành	24
2. Những thay đổi trong Ban điều hành:	28
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	28



3.1 Số lượng và cơ cấu lao động:.....	28
3.2. Chế độ làm việc:.....	29
3.3. Chính sách lương thưởng và phúc lợi:.....	29
3.4. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:	29
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....	30
1. Tình hình đầu tư:.....	30
1.1 Đầu tư tài chính:	30
1.2 Đầu tư dự án:.....	30
2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:.....	30
2.1 Tiến độ thực hiện các dự án dở dang:.....	31
2.2 Tiến độ thực hiện các dự án theo định hướng phát triển:	32
3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết:	34
3.1. Tình hình hoạt động:.....	34-39
3.2. Tình hình tài chính.....	40
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY.....	41
1. Tình hình tài chính	41
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	41
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.....	42
1. Cổ phần:.....	42
2. Cơ cấu cổ đông:	42-43
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:.....	43
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:.....	43
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	44
I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	44
1. Tình hình hoạt động kinh doanh:	44
1.1. Bất động sản:	44
1.1.1. Doanh thu và hiệu quả:	44
1.1.2. Thuận lợi và khó khăn:	46
1.2. Thủy sản:	48
1.2.1. Phân loại doanh thu:	48
1.2.2. Thị trường & khách hàng:.....	48
1.2.3. Những thuận lợi và khó khăn:.....	49
2. Những tiến bộ công ty đã đạt được	51
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	52
1. Tài sản:	52
2. Nguồn vốn:	52
3. Hiệu quả sử dụng vốn:.....	52
III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ.....	53
VI. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	53
1. Về kinh doanh:	53
1.1. Bất động sản:.....	53
1.2. Thủy sản:.....	53



1.3. Xây dựng:.....	54
1.4. Ngành dịch vụ:	55
2. Về đầu tư:.....	55
2.1. Bất động sản:.....	55
2.2. Thủy sản:.....	55
2.3. Ngành xây dựng và dịch vụ:	56
3. Từ những định hướng trên, Ban điều hành công ty đã thận trọng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013 và được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể:	56
V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN.....	56

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	57
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	57
1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:	57
2. Tình hình đầu tư:	57
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY	57
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	57
QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	59
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:	59
1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:	59
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:	61
3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	62
II. BAN KIỂM SOÁT	62
1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:.....	62
2. Hoạt động của Ban kiểm soát:	63
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	64
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:.....	64
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:	64
3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:.....	64
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:.....	64
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	65



KHU ĐÔ THỊ MỚI SAO MẠI - THÀNH PHỐ CAO LÃNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Địa chỉ : 290/6 Đường 955, K. Xuân Hòa, TT Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên - Tỉnh An Giang
Điện thoại : 076.2211326

CÔNG TRÌNH : NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG AN GIANG (CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG THÁP)

THIẾT KẾ : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**
Địa chỉ : 290/6 Đường 955, K. Xuân Hòa, TT Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên - Tỉnh An Giang Điện thoại : 076.2211326



XUÂN TRƯỜNG - DESIGNER
0973.105009 - 076.2211326



THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG.**
- Tên viết tắt : SAOMAI CONSCORP.
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: Sao Mai Construction Corporation.
- Biểu tượng :



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 25/4/2012 (đăng ký thay đổi lần thứ 19).
- Vốn điều lệ: 397.362.020.000 đồng.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 397.362.020.000 đồng.
- Địa chỉ : 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Điện thoại : 076 3840 138 Fax: 076 3840 139.
- Website : www.saomaia.vn Email: saomaia@saomaia.vn
- Mã cổ phiếu : **ASM.**

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Thành lập:

ASM được thành lập theo Quyết định số 000450/GP/TLĐN-03 ngày 05/02/1997 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với vốn điều lệ ban đầu là 905.000.000 đồng. Trong quá trình phát triển, Công ty đã nhiều lần tăng vốn điều lệ như sau:

- Tăng vốn lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 905.000.000 đồng lên 2.520.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/1997/NQ-HĐCĐ ngày 27/11/1997.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 12 năm 1997.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.
 - Số lượng phát hành: 80,75 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- Tăng vốn lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 2.520.000.000 đồng lên 25.200.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2000/NQ-HĐCĐ ngày 31/12/2000.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2001.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông sáng lập.



- Số lượng phát hành: 1.134 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
- Tỷ lệ phân phối: Theo tỷ lệ nắm giữ của cổ đông sáng lập.
- Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 25.200.000.000 đồng lên 32.820.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2004/NQ-HĐCĐ ngày 14/05/2004.
 - Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2004.
 - Đối tượng và tỷ lệ phân phối: thỏa thuận giữa các cổ đông sáng lập theo tỷ lệ sở hữu.
 - Số lượng phát hành: 381 cổ phiếu, mệnh giá 20.000.000 đồng/cổ phần.
 - Giá phát hành: 20.000.000 đồng/cổ phiếu.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 32.820.000.000 đồng lên 49.563.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/NQ-SM ngày 01/08/2007.

Tổng số lượng phát hành: 1.718.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

Phát hành cho người lao động (Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người lao động trong Công ty)

- Số lượng phát hành: 164.000 cổ phần (tương đương 1,64 tỷ đồng mệnh giá).
- Ngày chốt danh sách: 15/10/2007.
- Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo danh sách do HĐQT phê duyệt.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Ngày phát hành: 24/10/2007.

Phát hành lần đầu ra công chúng theo hình thức đấu giá:

- Số lượng phát hành: 1.510.300 cổ phần (tương ứng 15,103 tỷ đồng mệnh giá).
- Ngày phát hành: 24/10/2007.
- Ngày bắt đầu chào bán: 24/10/2007.
- Ngày kết thúc chào bán: 05/12/2007.
- Giá trúng bình quân làm tròn: 104.000 đồng/cổ phần.
- Thời hạn đăng ký mua: Từ ngày 24/10/2007 đến ngày 05/11/2007.
- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 14/11/2007 đến ngày 05/12/2007.
- Ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu: 20/12/2007.



- **Tăng vốn lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 49.563.000.000 đồng lên 99.126.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2009/NQ-HĐCĐ ngày 16/10/2009.
 - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1.
 - Ngày phát hành: Từ 14/11/2009 đến 21/11/2009.
 - Số lượng phát hành: 4.956.300 cổ phần.
 - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 99.126.000.000 đồng lên 397.362.020.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ-ĐHĐCĐBT/2010 ngày 07/11/2010.

Tổng số lượng phát hành: 29.823.602 cổ phiếu. Trong đó:

Phát hành 29.328.802 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

- Thưởng 9.912.600 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được thưởng 1 cổ phần mới) từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối;
- Chào bán 19.416.202 cổ phiếu:
 - o Đối tượng: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền;
 - o Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - o Tỷ lệ chào bán: 1:2 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 02 cổ phiếu mới);
 - o Ngày phát hành: 16/3/2011.

Phát hành 494.800 cổ phần (tương đương 4,99% vốn điều lệ hiện tại) cho CBCNV của Công ty, cụ thể:

- Đối tượng chào bán: CBCNV có tên trong danh sách lao động của ASM tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông;
- Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần;
- Ngày phát hành: 16/3/2011.

2. Niêm yết và phát hành cổ phiếu

- Ngày 24/12/2009, Công ty CP đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức cấp giấy Chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 173/QĐ-SGDCK TP.HCM.
- Ngày 18/01/2010, cổ phiếu Công ty CP đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 07/11/2010, Đại hội cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 99,126 tỷ đồng lên 401,452 tỷ đồng tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 31/NQ-DHCDT/2010.



- Ngày 30/12/2010, Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp cho Công ty Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 771/UBCK-GCN.
- Ngày 16/3/2011, hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 99,126 tỷ đồng lên 397,362 tỷ đồng.
- Ngày 29/4/2011, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 52/2011/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 26/5/2011, chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các sự kiện khác:

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình sản xuất kinh doanh, Sao Mai An Giang ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường. Ngoài những giải thưởng đã nêu trong các báo cáo trước, Năm 2012 Sao Mai còn vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều giải thưởng uy tín khác như:

Thành tích
1. TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam theo Quyết định số 05/NCĐT- 1/6/2011 do tạp chí Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.
2. Bộ Trưởng Bộ Công an tặng bằng khen theo Quyết định số 219/QĐ-BCA, ngày 10/01/2012 cho thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc 2011.
3. UBND tỉnh An Giang tặng Bằng khen theo Quyết định số 109/QĐ-UBND, ngày 17/4/2012 về thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển KT -XH năm 2011.
4. Bằng khen của UBND tỉnh An Giang theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 về thành tích xuất sắc trong cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh năm 2009 – 2010.



III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

1. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; San lấp mặt bằng; Xây lắp điện nước;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác cát, sỏi; Sản xuất bột ma tít; Sản xuất mua bán trầm xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, nhà nghỉ dưỡng lão, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, kinh doanh phòng hát karaoke; Dịch vụ ăn uống, giải khát, các dịch vụ du lịch, dịch vụ massage; Dịch vụ và kinh doanh điện năng;
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm; Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động; Lắp đặt hệ thống bơm ống nước, điều hòa không khí; Lắp đặt các thiết bị điện lạnh, cơ điện lạnh và kho lạnh nhà máy thủy sản;
- Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh); Mua bán linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển;
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản; mua bán cá và thủy sản;
- Đào tạo nghề và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý đối ngoại tệ.

*Trong đó, ngành nghề mang lại thu nhập chính là **kinh doanh bất động sản, thủy sản và dịch vụ**.*

2. Địa bàn hoạt động:

Địa bàn kinh doanh của công ty chủ yếu tập trung ở các tỉnh, thành: An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bến Tre, Tiền Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Hòa Bình, Thanh Hóa, Tp Hồ Chí Minh,...





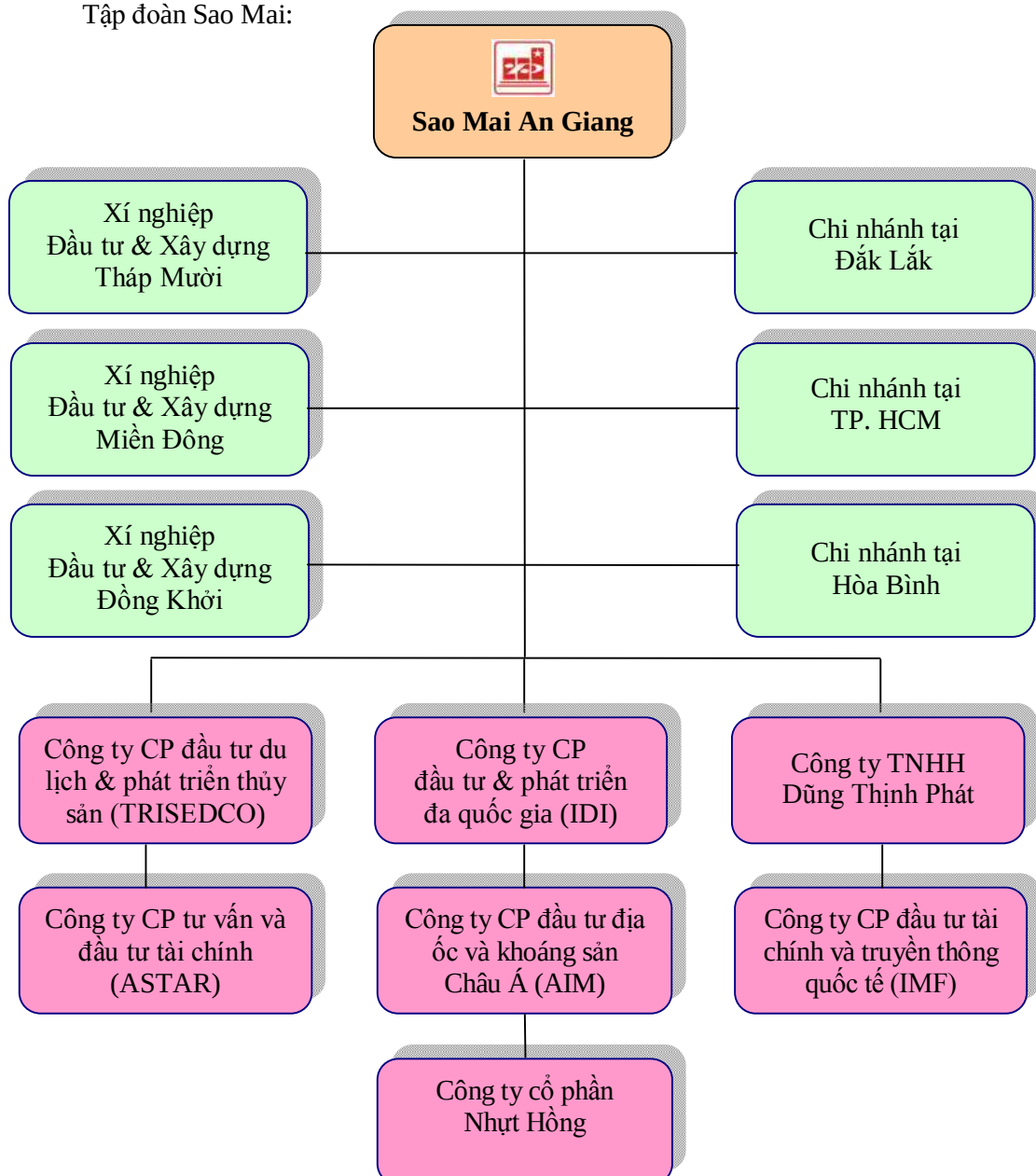
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị công ty bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý công việc theo các bộ phận chức năng. Tổng Giám đốc sẽ điều hành, quản lý thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Trưởng phòng để trực tiếp giải quyết công việc của từng phòng.

2. Cơ cấu tổ chức

Từ một trụ sở chính tại số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, đến nay Sao Mai An Giang đã xây dựng được một hệ thống gồm 3 xí nghiệp, 3 chi nhánh, 1 công ty con và 6 công ty liên doanh liên kết. Sơ đồ tổ chức của Tập đoàn Sao Mai:





**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ
TRONG TẬP ĐOÀN SAO MAI**

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Chức năng, nhiệm vụ hoạt động
01	Trụ sở chính Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.	326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Là trung tâm điều phối toàn bộ hoạt động của Tập đoàn Sao Mai An Giang. Sàn giao dịch bất động sản.
02	Xí nghiệp Đầu tư & Xây dựng Tháp Mười.	Số 92B Quốc lộ 30, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	Quản lý các công trình do Sao Mai An Giang triển khai tại địa phương. Điểm giao dịch mua bán bất động sản.
03	Xí nghiệp Đầu tư & Xây dựng Miền Đông.	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	
04	Xí nghiệp Đầu tư & Xây dựng Đồng Khởi.	Số 165D2, An Thuận A, Mỹ Thạnh An, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	
05	Chi nhánh tại Đắc Lắc.	Trung tâm thương mại Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Lắc.	
06	Chi nhánh tại TP. HCM.	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.	
07	Chi nhánh tại Hòa Bình.	Số 10/B1 tổ 2A, phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.	
08	Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản.	Ấp Thiên Tuế, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng. Nuôi trồng, sản xuất, mua bán thủy sản, thức ăn thủy sản. Đầu tư kinh doanh khu biệt thự sinh thái, khu vui chơi, giải trí.
09	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.	Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh nhà. Nuôi trồng, sản xuất, mua bán thủy sản, thức ăn thủy sản.
10	Công ty TNHH Dũng	09 Nguyễn Kim,	Quản lý và khai thác dự án Sao

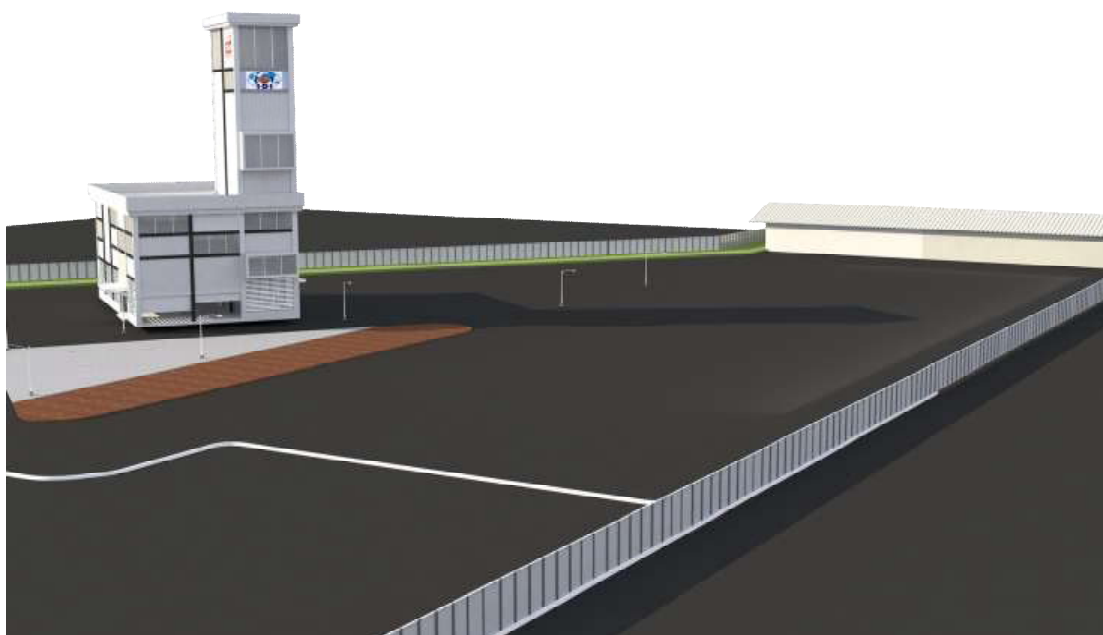
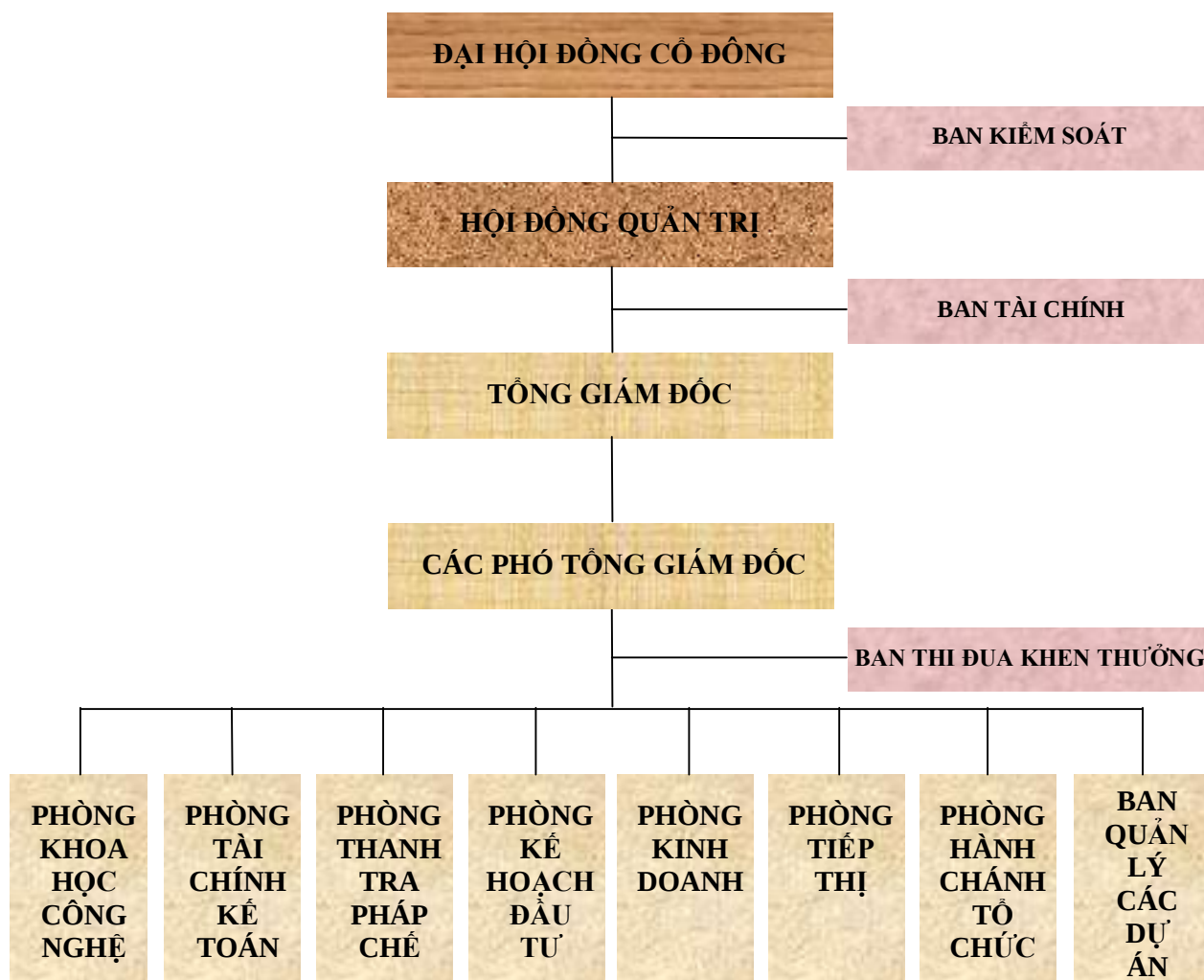
Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Chức năng, nhiệm vụ hoạt động
	Thịnh Phát.	phường 12, quận 5, TP. HCM.	Mai Tower - Tổ hợp chung cư cao cấp và văn phòng cho thuê tại phường 16, quận 8, TP. HCM.
11	Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR)	số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kinh doanh bất động sản; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
12	Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF)	Khóm Xuân Hòa, Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang	Phụ trách mảng truyền thông cho Sao Mai; Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
13	Công ty cổ phần đầu tư địa ốc và khoáng sản Châu Á (AIM)	QL 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác quặng sắt, sản xuất sắt, thép, gang; Kinh doanh bất động sản.
14	Công ty cổ phần Nhứt Hồng	Số 177C, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Kinh doanh bất động sản; Buôn bán vật liệu xây dựng; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.



Biệt thự Dự án Khu đô thị Sao Mai Bình Khánh 3



3. Cơ cấu bộ máy quản lý





Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban:

a) Hội đồng quản trị Công ty:

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 06 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.
- HĐQT của Sao Mai An Giang nhiệm kỳ 2010 – 2015 gồm:

o Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
o Ông Nguyễn Văn Hung	Phó chủ tịch
o Ông Lê Văn Chung	Thành viên
o Ông Lê Xuân Quế	Thành viên
o Ông Lê Văn Thủy	Thành viên
o Bà Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên

b) Ban kiểm soát:

- Là cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.
- BKS của Công ty nhiệm kỳ 2010 – 2015 gồm:

o Ông Đinh Hoài Ân	Trưởng Ban.
o Bà Lê Thị Tính	Ủy viên.
o Ông Lê Thanh Hân	Ủy viên.

c) Ban tài chính:

- Ban Tài chính của Sao Mai An Giang gồm 05 thành viên và chịu sự quản lý trực tiếp của HĐQT Công ty.
- Ban Tài chính có nhiệm vụ giúp HĐQT kiểm tra, giám sát, hoạch định và khai thác các nguồn tài chính nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Ban Tổng giám đốc:

- Ban Giám đốc của Sao Mai An Giang có 06 thành viên gồm 01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc, do HĐQT bổ nhiệm. Là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.
- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng Giám đốc Công ty sẽ căn cứ và khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.



- Ban Tổng Giám đốc của Sao Mai An Giang hiện nay gồm có:
 - o Ông Lê Thanh Thuận Tổng Giám đốc.
 - o Ông Nguyễn Văn Hưng Phó Tổng Giám đốc.
 - o Ông Lê Văn Chung Phó Tổng Giám đốc.
 - o Ông Lê Xuân Quế Phó Tổng Giám đốc.
 - o Ông Lê Văn Lâm Phó Tổng Giám đốc.
 - o Ông Nguyễn Hoàng Sang Giám đốc tài chính.
 - o Bà Lê Thị Phụng Kế toán trưởng.

e) Phòng Kế hoạch Đầu tư:

- Lập dự án, quản lý và điều hành các dự án đầu tư từ khi dự án được hình thành đến khi dự án được bàn giao khai thác.
- Lập ra kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để từ đó hoạch định chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình của Công ty.

f) Phòng Kinh doanh – Quản lý tài sản nhà đất và trước bạ:

- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ của Sao Mai An Giang.
- Phản hồi các thông tin từ khách hàng lên Ban Tổng Giám đốc để điều chỉnh chính sách thích hợp.
- Thực hiện thống kê hàng hóa tồn kho, quản lý toàn bộ tài sản của Sao Mai An Giang trước và sau khi đầu tư.
- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược, các loại hình kinh doanh.
- Thực hiện các thủ tục về nhà đất và bất động sản cho khách hàng, tổ chức bán hàng và thu hồi công nợ cho Sao Mai An Giang.
- Phối hợp thực hiện thủ tục đầu tư các dự án, thanh và quyết toán các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về các chính sách đất đai.

g) Phòng Tiếp thị và Chăm sóc khách hàng:

- Chịu trách nhiệm quảng bá thông tin liên quan đến Sao Mai An Giang và các dự án của Sao Mai An Giang đến khách hàng thông qua các phương tiện thông truyền thông.
- Chủ động tìm kiếm, tiếp xúc với khách hàng để giới thiệu về sản phẩm và dịch vụ của Công ty, đồng thời hướng dẫn thực hiện các thủ tục mua bán cho khách hàng, phối hợp với phòng kinh doanh hoàn tất quy trình mua bán.
- Thực hiện khảo sát, thăm dò nhu cầu khách hàng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường.
- Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- Thống kê lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng.



h) Phòng Tài chính Kế toán:

- Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư của Sao Mai An Giang.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế, tính toán nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế của đơn vị.
- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách Sao Mai An Giang theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thi công của Công ty với khách hàng.
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư.
- Quản lý việc sử dụng và phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

i) Phòng Tổ chức hành chính:

- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của Sao Mai An Giang;
- Quản lý và lưu hồ sơ Công ty.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

j) Phòng Thanh tra pháp chế:

- Quản lý và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Tiếp nhận và phối hợp giải quyết các vướng mắc của khách hàng và nội bộ Công ty trên cơ sở thấu tình đạt lý. Duy trì các biện pháp bảo vệ nội bộ, bảo mật thông tin đúng quy định Công ty và Pháp luật.
- Xử lý những tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ngăn ngừa những sai phạm trong các Hợp đồng kinh tế để giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

k) Các Ban quản lý dự án:

- Trực tiếp theo dõi đơn đốc quản lý chất lượng đầu tư dự án, hỗ trợ cho phòng Đầu tư quản lý dự án hiệu quả.
- Thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết những vướng mắc trong quá trình đầu tư.
- Trực tiếp khai thác dự án sau đầu tư.

l) Phòng Khoa học Công nghệ thông tin:

- Thực hiện các nghiệp vụ về khoa học công nghệ thông tin và thị trường chứng khoán phối hợp các phòng ban của các dự án.
- Quản lý thông tin, công bố thông tin trên hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng (chủ yếu là thông qua website của Công ty).
- Cầu nối thông tin từ Lãnh đạo Sao Mai An Giang đến các bộ phận, đơn vị trực thuộc, cổ đông và ngược lại.
- Nhận và phản hồi thông tin một cách nhanh chóng, chính xác mọi hoạt động của Sao Mai An Giang, Ban Lãnh đạo, các phòng ban, các dự án... và giải quyết các vấn đề về xã hội có liên quan hoặc ảnh hưởng tới Công ty.

CHỢ VÀ KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM XÃ HỘI AN - HUYỆN CHỢ MỚI - AN GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Địa chỉ : 290/6 Đường 955, K. Xuân Hòa, TT Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên - Tỉnh An Giang
Điện thoại : 076.2211326

KHU ĐÔ THỊ CAO CẤP SAO MAI THỊ TRẤN TỊNH BIÊN - HUYỆN TỊNH BIÊN - AN GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
Địa chỉ : 290/6 Đường 955, K. Xuân Hòa, TT Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên - Tỉnh An Giang
Điện thoại : 076.2211326



MẪU NHÀ BIỆT THỰ



MẪU NHÀ LIỀN KỀ 4 TẦNG



MẪU NHÀ LIỀN KỀ 3 TẦNG



MẪU NHÀ LIỀN KỀ 3 TẦNG



4. Các công ty con, công ty liên kết:

4.1. Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát:

- Hình thức : Công ty con.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP. HCM.
- Thành lập ngày : 22/5/2006 theo giấy CNĐKKD số 4102039604. Đăng ký thay đổi lần 4 theo giấy CNĐKKD số 0304407453 ngày 24/5/2010 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn Sơn.
- Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công nghiệp dân dụng, công nghiệp.
- Tình hình góp vốn :

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn đã góp (VND)	Tỷ lệ (%)
50.000.000.000	33.000.000.000	66

4.2. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia – IDI:

- Hình thức sở hữu : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 380.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/7/2003 theo Giấy CNĐKKD số 0303141296 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 10, ngày 01/4/2011 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn San.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại TP.HCM).
 - Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Mua bán, chế biến thủy hải sản (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở).
 - Nuôi trồng thủy sản (không nuôi trồng tại trụ sở). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai (không sản xuất tại trụ sở).
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào IDI (VND)	Tỷ lệ (%)
380.000.000.000	111.211.790.000	24,65



4.3. Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco):

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 15/3/2008 theo giấy CNĐKKD số 1600895650 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp. Đăng ký thay đổi lần 8 ngày 29/06/2012 tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Xuân Quế.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - San lấp mặt bằng.
 - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát.
 - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào Trisedco (VND)	Tỷ lệ (%)
150.000.000.000	62.000.000.000	41,33

4.4. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR):

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKKD số 1600583700 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 9 ngày 14/7/2011 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Bùi Cao Cường – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
 - Kinh doanh, đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân (không bao gồm các hoạt động cho thuê tài chính, tiền tệ, tín dụng, huy động vốn).
- Tình hình góp vốn:



Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào Astar (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	6.410.000.000	5

4.5. Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF):

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Lô 10 đường số 06, Khu đô thị Sao Mai, Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang.
- Thành lập ngày : 18/8/2010 theo giấy CNĐKKD số 1601388847 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp. Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/06/2012 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Tiến Ngữ – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Tổ chức sự kiện, tổ chức hậu kỳ.
 - Quảng cáo thương mại.
 - Mua bán lương thực.
 - Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
 - Đầu tư tài chính các doanh nghiệp và cá nhân,....
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào IMF (VND)	Tỷ lệ (%)
10.000.000.000	3.110.000.000	31

4.6. Công ty cổ phần đầu tư địa ốc và khoáng sản Châu Á (AIM):

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : QL 80, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập ngày : 02/7/2010 theo giấy CNĐKKD số 1401274641 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 02/7/2011 Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Cảnh – Giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.



- Khai thác quặng sắt, sản xuất sắt, thép, gang.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào AIM (VND)	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	24.000.000.000	20

4.7. Công ty cổ phần Nhựt Hồng:

- Hình thức : Công ty liên kết.
- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 177C, đường Cách mạng tháng 8, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.
- Thành lập ngày : 12/08/2003 theo giấy CNĐKKD số 3600648648 tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/09/2012 Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện theo pháp luật : Lê Thị Nguyệt Thu – Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
 - Buôn bán vật liệu xây dựng
 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Tình hình góp vốn:

Vốn điều lệ (VND)	Số vốn ASM đã góp vào AIM (VND)	Tỷ lệ (%)
80.000.000.000	18.913.000.000	24



V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- o Đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, ổn định mức cổ tức hàng năm, nâng cao thu nhập cho người lao động;
- o Đẩy mạnh mối quan hệ với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh;
- o Tiến tới kinh doanh đa ngành nghề, đa dạng hóa đầu tư bằng cách hình thành công ty con, công ty liên doanh, liên kết và phấn đấu phát triển công ty trở thành tập đoàn vào năm 2016.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với những mục tiêu nêu trên thì chiến lược phát triển trung, dài hạn của Công ty sẽ tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

2.1. Về bộ máy, nhân sự:

- o Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tạo điều kiện và cơ hội phát triển cho tất cả nhân viên;
- o Hoàn thiện Ban tài chính giúp Hội đồng quản trị trong việc huy động nguồn vốn để đầu tư các dự án và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn. Đồng thời nghiên cứu đề xuất các chính sách về cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- o Xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và phụ cấp phù hợp hơn để động viên, khuyến khích người lao động hăng say làm việc và gắn bó lâu dài với công ty;
- o Tiếp tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo hướng kế thừa và tổ chức các lớp học để nâng cao tay nghề cho công nhân;
- o Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, tổ chức đoàn thể giúp công ty vượt qua những khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

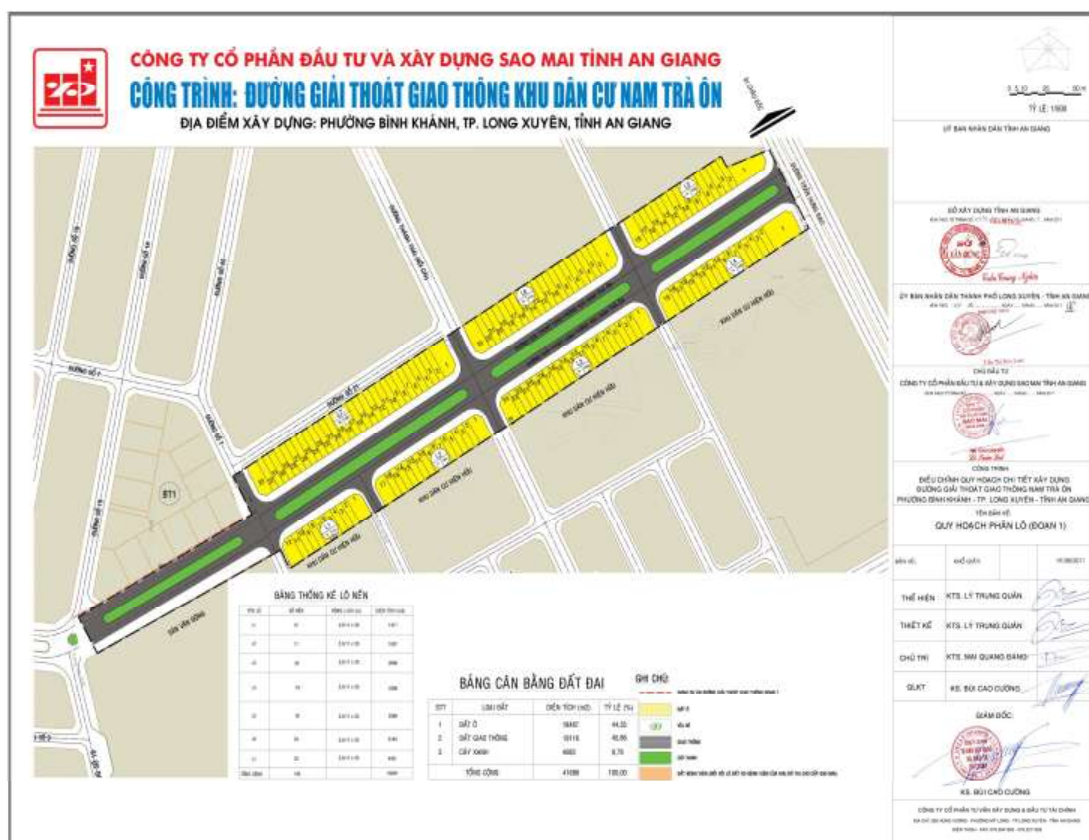
2.2. Về đầu tư, kinh doanh:

- o Tăng cường sở hữu quỹ đất sạch giá thấp tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài. Trước mắt nộp dứt điểm tiền sử dụng đất các dự án đang đầu tư dở dang;
- o Nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- o Phát huy các thế mạnh sẵn có về năng lực, vị trí địa lý;
- o Phát triển từng bước bền vững, hiệu quả lĩnh vực thủy sản và tiến tới kinh doanh theo mô hình khép kín;
- o Đầu tư phát triển lĩnh vực dịch vụ, du lịch nhằm tạo ra nguồn thu nhập lớn, ổn định cho Công ty từ các dự án đã, đang và sẽ triển khai như: Resort Sao Mai tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn, Khu du lịch núi Trà Sư, Khu biệt thự nghỉ dưỡng Núi Cẩm, Khu thương mại dịch vụ giải trí cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên;

- o Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Phối hợp với Công ty cổ phần đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia đầu tư hoàn thiện Nhà máy tinh luyện dầu đưa vào sử dụng trong năm 2012 và Công ty cổ phần đầu tư địa ốc và khoáng sản Châu Á xúc tiến nhanh các thủ tục còn lại để được cấp phép đầu tư các dự án tại huyện Lấp Vò, trước khi Lấp Vò lên thị xã;
- o Duy trì mối quan hệ với các tổ chức tài chính hiện tại, đồng thời tìm kiếm, tiếp xúc với các tổ chức, định chế tài chính mới nhằm thu hút nguồn vốn và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty:

Tuy hoạt động sản xuất kinh doanh phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong thời kỳ khủng hoảng tài chính, thế nhưng chiến lược phát triển của Sao Mai luôn đi kèm với việc thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện. Vì vậy, trong thời gian tới công ty vẫn tiếp tục quan tâm chia sẻ một phần lợi nhuận của mình cho những hoạt động mà công ty đã gắn bó trong thời gian qua như: Đóng góp quỹ từ thiện vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa và quỹ môi sinh học đường để xây dựng nhà vệ sinh cho các trường tại tỉnh An Giang.; Tặng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo ở địa phương; Tham gia chương trình ăn tết với người nghèo, trẻ em cơ nhỡ, những gia đình khó khăn ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh,...



VI. CÁC RỦI RO:

Ngoài những thuận lợi thì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng gặp phải những khó khăn nhất định, cụ thể:

1. Ngành Bất động sản:

Việc tiếp cận nguồn vốn trung, dài hạn để thực hiện các dự án còn chậm; Chi phí lãi vay vẫn ở mức cao trên 15%/năm; Giá dầu và các nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động thất thường theo chiều hướng tăng làm giá thành sản phẩm tăng cao, trong khi giá bán không tăng nhiều và đầu ra bị đóng băng nhiều năm liền.

2. Ngành thủy sản:

Việc ra đời quá nhanh và nhiều các nhà máy chế biến thủy sản ở ĐBSCL làm mất cân đối cung - cầu về nguyên liệu dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong ngành; Giá điện, xăng dầu cũng tăng cao kéo theo giá thành sản phẩm tăng và làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Sắp tới, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Sao Mai nói riêng sẽ còn gặp khó khăn hơn khi phải cạnh tranh khốc liệt với các nước có ngành công nghiệp nuôi và chế biến cá da trơn như Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Bangladesh... vốn đã bắt đầu tiến ra thị trường thế giới.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình chung:

Nhìn chung tình hình kinh tế thế giới năm 2012 tiếp tục gặp khó khăn do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công Châu Âu chưa được giải quyết. Suy thoái trong khu vực đồng Euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng tại các nước thuộc khu vực này vẫn đang tiếp diễn. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, sức mua trong dân giảm, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp,... Những bất lợi của kinh tế thế giới đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam và Sao Mai cũng không ngoại lệ.

Tuy Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ cũng đã tháo gỡ bớt phần nào khó khăn cho doanh nghiệp như: gia hạn thời gian nộp thuế, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất,... Thế nhưng, hiện tại các doanh nghiệp vẫn đang còn những khó khăn khác như: khan hiếm nguồn vốn trung dài hạn để đầu tư, chi phí lãi vay cao, tỷ lệ tài sản thế chấp so với nợ vay cao và giá trị tài sản thế chấp được định luôn thấp hơn giá thị trường tại cùng thời điểm.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2012, tuy phải đối mặt với những khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành nghề kinh doanh nói riêng nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Sao Mai vẫn diễn ra thuận lợi. Đầu ra các lĩnh vực kinh doanh được duy trì ổn định, đặc biệt là bất động sản và thủy sản, hai mảng chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của công ty. Tuy nhiên, do chi phí phát sinh lớn, cộng với những ưu đãi trong chính sách bán hàng để sớm thu hồi vốn tái đầu tư và đảm bảo tính thanh khoản cho công ty đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, dẫn đến lợi nhuận năm 2012 không như kỳ vọng của công ty, cụ thể:

Chỉ tiêu	Lĩnh vực kinh doanh				Tổng
	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Dịch vụ	
Doanh thu	73.360.119.652	45.153.029.955	889.656.059.137	9.927.079.916	1.018.096.288.660
Giá vốn	(92.319.709)	41.662.417.581	847.062.870.721	9.017.694.657	897.650.663.250
Lợi nhuận gộp	73.452.439.361	3.490.612.374	42.593.188.416	892.112.532	120.445.625.410

Ghi chú: Giá vốn bất động sản âm là do trong năm công ty có điều chỉnh giảm doanh thu bất động sản trả lại và giá vốn của khoản điều chỉnh này lớn hơn giá vốn bất động sản bán trong năm.



3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch năm 2012</i>	<i>Thực hiện năm 2012</i>	<i>TH/KH (%)</i>
1. Doanh thu thuần	1.310,42	1.018,09	77,69
2. Giá vốn hàng bán	1.033,14	897,65	86,89
3. Lợi nhuận gộp	277,28	120,44	43,44
4. Doanh thu hoạt động tài chính	39,39	8,00	20,31
5. Chi phí Tài chính	91,14	66,78	73,27
6. Chi phí bán hàng	50,01	33,61	67,21
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32,20	16,97	52,70
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	143,32	11,08	7,73
9. Lợi nhuận khác	0,59	(3,25)	(550,85)
10. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	30,00	7,39	24,63
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	173,91	15,22	8,75
12. Chi phí thuế TNDN	43,48	1,97	4,53
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	130,44	13,25	10,16
14. Vốn điều lệ	397,36	397,36	100,00

Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra là do:

✓ Về doanh thu:

- o Lĩnh vực Bất động sản vẫn đang khó khăn nên doanh thu không như kỳ vọng của công ty. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh giảm trừ doanh thu của các năm trước do khách hàng trả lại nên vì không có khả năng thanh toán cũng làm doanh thu bất động sản giảm đáng kể.

- o Lĩnh vực thủy sản: Nhằm giảm thiểu rủi ro trong khâu thanh toán, công ty đã áp dụng chính sách bán hàng an toàn nên số lượng hợp đồng xuất khẩu cũng giảm theo dẫn đến doanh thu hoạt động này không đạt kế hoạch.
- ✓ Về lợi nhuận:
 - o Tuy doanh thu năm 2012 tăng 16,54% tương đương 144,49 tỷ đồng so với năm 2011 nhưng chủ yếu tập trung vào kinh doanh thủy sản có tỷ suất lợi nhuận thấp. Riêng ngành bất động sản có tỷ suất lợi nhuận cao nhưng doanh thu thuần giảm 20,66% tương đương 36,80 tỷ đồng góp phần làm lợi nhuận gộp giảm 34,84% tương đương 64,40 tỷ đồng so với năm 2011.
 - o Do Công ty tăng dư nợ vay để đầu tư các dự án và bổ sung nguồn vốn kinh doanh dẫn đến chi phí lãi vay tăng thêm 38,20% tương đương 18,04 tỷ đồng so với năm 2011.
 - o Với việc thực hiện chính sách tiết kiệm, chi phí bán hàng và chi phí quản lý của công ty giảm đáng kể so với năm 2011, thế nhưng giá thành sản phẩm lại tăng do giá xăng dầu, điện và nguyên vật liệu trực tiếp liên tục tăng, trong khi giá bán sản phẩm làm ra không tăng do cạnh tranh giữa các doanh nghiệp điều này ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận công ty.



Nhà mẫu Khu đô thị Sao Mai thị trấn Tịnh Biên

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:



Ông Lê Thanh Thuận sinh ngày 10/03/1958 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Tốt nghiệp là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, ông Thuận làm việc tại Sở xây dựng An Giang. Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang.

Năm 1982, ông Thuận được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Sao Mai An Giang.

Từ năm 1992, ông Thuận được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

Hiện tại, Ông Thuận đang giữ chức Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ của Sao Mai An Giang.

Với kinh nghiệm hơn 30 năm công tác trong ngành xây dựng An Giang và hơn 14 năm tổ chức và điều hành Sao Mai An Giang, đến nay ông Thuận là một trong những cổ đông lớn sở hữu 4.011.400 cổ phần, tương đương nắm giữ 10,1 % vốn điều lệ của Sao Mai An Giang.

Ông Nguyễn Văn Hưng sinh ngày 18/05/1954 tại Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp Trung cấp xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.

Từ năm 1989, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995.

Từ năm 1997, Ông Hưng tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

Đến nay, với kinh nghiệm làm việc hơn 30 năm, ông Hưng đang giữ chức Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc



Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Sao Mai An Giang

Sao Mai An Giang, giám sát, theo dõi và điều hành tất cả hoạt động kinh doanh của Sao Mai An Giang.

Ngoài ra, Ông cũng đang giữ các vị trí lãnh đạo khác như Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản. Hiện nay ông Hưng đang sở hữu 809.000 cổ phần của Sao Mai An Giang, tương đương 2,04 % vốn điều lệ.



Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám
đốc Sao Mai An Giang

Ông Lê Văn Chung sinh năm 1964 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp trung cấp cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.

Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994.

Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997, với số cổ phần nắm giữ là 2.400.000 cổ phần, tương đương 6,04 % vốn điều lệ của Sao Mai An Giang.

Bên cạnh Sao Mai An Giang, ông Chung cũng đang làm Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Ông Lê Xuân Quế sinh năm 1968 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp Cao đẳng xây dựng. Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam.

Đến năm 2003, Ông được mời về công tác tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

Trong quá trình công tác, Ông Quế cũng tham gia hoạt động thành lập và giữ các chức vụ quản trị các công ty thành viên của Sao Mai An Giang như thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.



Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc Sao
Mai An Giang

Hiện nay ông Quế đang nắm giữ 489.000 cổ phần của Sao Mai An Giang, tương đương 1,23 % vốn điều lệ.



Phó Tổng Giám đốc
Sao Mai An Giang

Ông Lê Văn Lâm sinh năm 1973 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ông vào làm tại Sao Mai An Giang từ năm 1999 và đảm nhiệm chức vụ Đội trưởng Đội xây dựng số 11 từ năm 1999 - 2002. Năm 2003 - 2006 Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Miền Đông Công ty Sao Mai. Từ năm 2006 - 2009 Phó giám đốc Ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống - IDI.

Từ năm 2010 đến tháng 09/2011 Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy phụ phẩm Trisedco và Phó tổng giám đốc Công ty Trisedco.

Từ tháng 10/2011 đến nay là Phó tổng giám đốc Sao Mai An Giang.

Hiện Ông Lâm không nắm giữ cổ phần của Sao Mai An Giang.

Ông Trương Vĩnh Thành sinh ngày 07/07/1977 ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng đại học Bách khoa TPHCM khóa 1994 - 1999.

Từ năm 1999-2001: Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai.

Từ năm 2001-2004: Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Diễn hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai.

Từ năm 2005-2007: TP Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Cty Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.

Năm 2008 - 2011: Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên hội đồng quản trị công ty Trisedco, Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

Hiện Ông Thành không nắm giữ cổ phần của Sao Mai An Giang.



Phó tổng giám đốc
Sao Mai An Giang

Ông Nguyễn Hoàng Sang sinh năm 1976 tại An Giang. Sau khi tốt nghiệp trung cấp kế toán, Ông công tác tại Sao Mai An Giang từ năm 2001.

Năm 2002, ông Sang được bổ nhiệm làm kế toán Trưởng của Sao Mai An Giang.

Trong quá trình phát triển, ông Nguyễn Hoàng Sang tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Tài chính Công ty từ năm 2007, phụ trách chính đối với các vấn đề về tài chính – kế toán của Công ty.

Hiện nay Ông Sang đang nắm giữ 7.000 cổ phần của Sao Mai An Giang, tương đương 0,018% vốn điều lệ.



Giám đốc Tài chính
Sao Mai An Giang



Kế toán trưởng
Sao Mai An Giang

Bà Lê Thị Phụng sinh năm 1980 tại Thanh Hóa. Năm 2004, Bà công tác tại phòng kế toán của Sao Mai An Giang sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế chuyên ngành kế toán.

Từ năm 2007, bà Phụng được bổ nhiệm giữ chức Kế toán Trưởng của Sao Mai An Giang.

Ngoài công việc tại Sao Mai An Giang, bà Phụng còn đảm nhận làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.



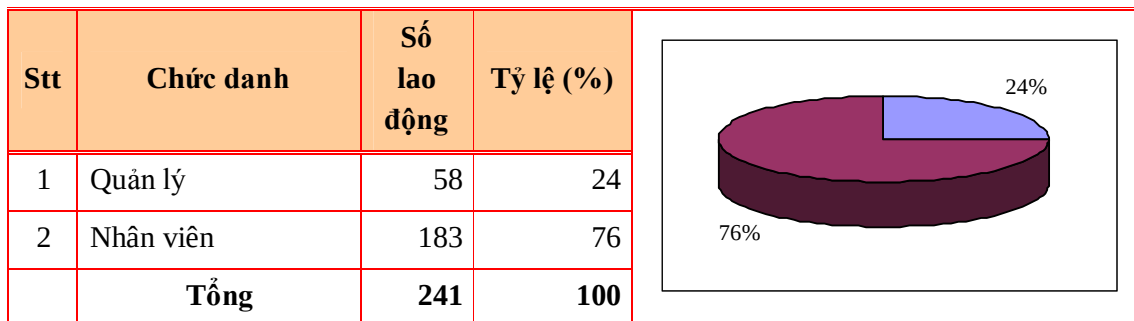
2. **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Trong năm Hội đồng quản trị có bổ nhiệm Ông Trương Vĩnh Thành giữ chức Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh.

3. **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

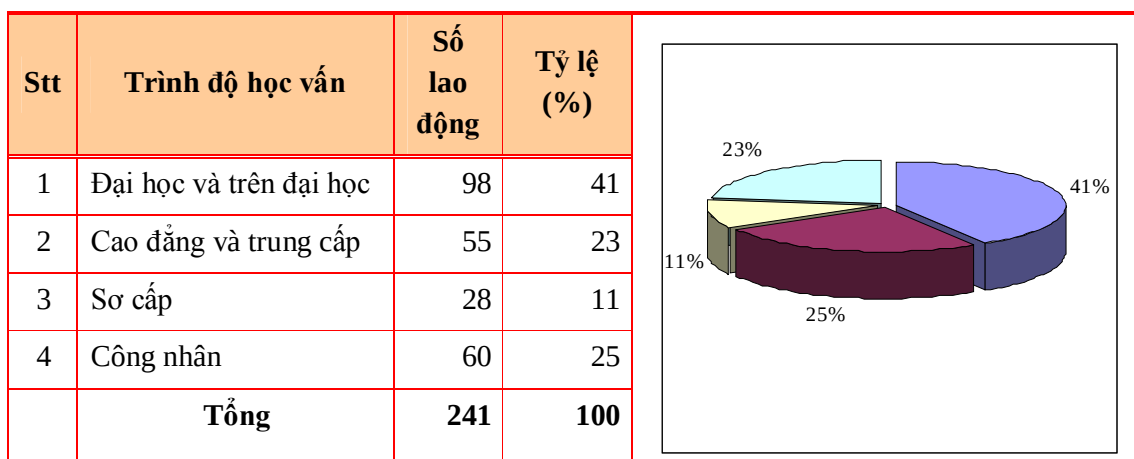
3.1 **Số lượng và cơ cấu lao động:**

- Tổng số lao động của Sao Mai An Giang tính bình quân năm 2012 là 241 người.
- Trong đó, cơ cấu lao động của Công ty như sau:

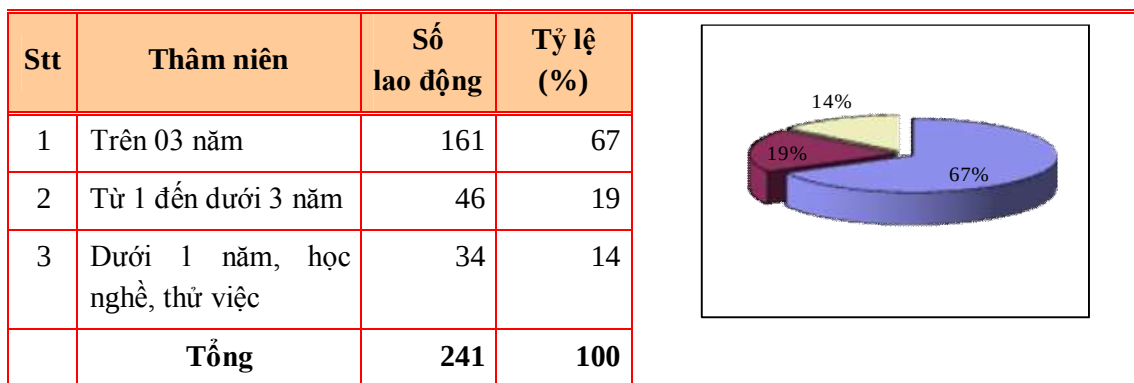
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO CHỨC DANH



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO THÂM NIÊN CÔNG TÁC



3.2. Chế độ làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc 7 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Sao Mai An Giang có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

3.3. Chính sách lương thưởng và phúc lợi:

- Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động;
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty còn có thưởng thêm cho CBCNV vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả CBCNV Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty còn nuôi dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng và tích cực tham gia các hoạt động quyên góp giúp đồng bào bị bão lụt, quỹ vì người nghèo, xây nhà tình thương ...

3.4. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Tuy hoạt động chủ yếu ở khu vực các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nhưng Sao Mai An Giang vẫn chú trọng đến việc tuyển dụng người lao động có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy vào từng vị trí cụ thể mà Sao Mai An Giang đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- Bên cạnh việc tìm kiếm nhân tài, Sao Mai An Giang cũng có các chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan. Đồng thời, Công ty cũng chủ động tạo điều kiện gửi nhân viên giỏi, nhân viên có tiềm năng lên TP.HCM hoặc đi nước ngoài học. Song song đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng luôn có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ nhân viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn.



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Tình hình đầu tư:

1.1 Đầu tư tài chính:

STT	Tên công ty	Số tiền
1	Công ty cp đầu tư tài chính và truyền thông quốc tế	510.000.000
2	Công ty cp đầu tư và tư vấn tài chính	910.000.000
3	Công ty cổ phần Nhựt Hồng	18.913.000.000
	Tổng cộng	20.333.000.000

1.2 Đầu tư dự án:

STT	Khu dân cư	Mua đất	Xây dựng	Toảng
1	Đất Châu Đốc – Khu dân cư Cty Ngọc Hân (13.426m ²)	39.017.800.000	-	39.017.800.000
2	Khu Dân cư F7 - TX Bến Tre	-	544.380.634	544.380.634
3	Khu Dân Cư Bình Khánh 3	17.084.354.182	18.935.368.107	36.019.722.289
4	Khu Dân Cư Bình Khánh 4	2.516.067.000	-	2.516.067.000
5	Khu Dân Cư Bình Khánh 5	6.505.355.000	6.802.773.877	13.308.128.877
6	Khu Dân cư Bắc quốc lộ 91	901.300.000	9.473.133.191	10.374.433.191
7	Khu Dân cư Hòa Bình	4.122.294.000	572.736.254	4.695.030.254
8	Khu Dân Cư Hội An	1.316.888.600	711.511.193	2.028.399.793
9	Khu Dân cư - TTTM Tri Tôn	1.982.440.000	9.756.693.821	11.739.133.821
10	Khu Dân cư Tịnh Biên	2.401.160.705	11.515.356.866	13.916.517.571
	Toảng	75.847.659.487	58.311.953.943	134.159.613.430

2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:

Năm 2012, tiếp tục là năm khan hiếm tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản nên việc huy động vốn từ kênh này gặp rất nhiều khó khăn và lãi suất thường ở mức cao, trong khi thị trường đầu ra vẫn đang khó khăn. Vì vậy, chủ trương của Ban điều hành công ty vẫn ưu tiên đầu tư cho những dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh để ổn định sản xuất. Đối với những dự án khác vẫn tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư sau này. Trường hợp dự án nào đã hoàn thành thủ tục đầu tư mà giá đất bồi thường hợp lý tùy theo tình hình tài chính tại từng thời điểm công ty vẫn xem xét thực hiện việc bồi hoàn, vì đây là khâu quan trọng nhất quyết định tiến độ và giá thành đầu tư dự án.



2.1. Tiến độ thực hiện các dự án dở dang:

S T T	Dự án	Quy mô				Đã thực hiện đến ngày 31/12/2012		
		Vốn (tỷ đồng)	Diện tích (ha)	Số lượng sản phẩm	Dự kiến hoàn thành vào năm	Tiến độ thực hiện	Tổng vốn đã đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư/tổng mức đầu tư (%)
1	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai Bình Khánh 3 (Long Xuyên, An Giang)	425,00	56,57	2.681 nền	2013	Đã bán hết nền giai đoạn 1 và 2. Hiện đang bán nền giai đoạn 3 và hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn 4 để được cấp giấy CN QSD đất.	430,12	101,2
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị cao cấp Sao Mai (Tịnh Biên, An Giang)	99,25	23,93	1.161 nền	2012	Đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất toàn dự án và đang bán nền.	99,30	100
3	Khu dân cư Sao Mai Bắc QL 91 (Cái Dầu, Châu Phú, An Giang)	104,79	21,28	1.031 nền	2012	Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đang xây dựng chợ và chờ cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Dự án được phép bán nền.	68,70	65,5
4	KDC TTMT Hướng Đông thị trấn Tri Tôn	109,30	29,82	1.313 nền		Đã bồi hoàn và san lấp toàn dự án. Hiện đang hoàn thiện phần cơ sở hạ tầng còn lại.	92,90	85
5	Chợ và Khu dân cư xã Hội An (Chợ Mới, An Giang)	40,96	6,66	Chợ, Nhà VH, UBND xã, 315 nền	2012	Đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng.	27,03	66
6	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai Bình Khánh 5 (Long Xuyên, An Giang)	1.933,0	34,88	1.691 nền	2020	Đã thỏa thuận bồi hoàn được trên 70% diện tích dự án. Đang làm thủ tục xin thu hồi và giao đất. Chuẩn bị SLMB cho phần diện tích đã bồi hoàn.	108,7	5,62
7	Đường giải thoát giao thông Khu dân cư Nam Trà Ôn (Long Xuyên, An Giang)	499,00	5,57	259 nền	2015	Đã thương lượng bồi thường được 30% diện tích dự án. Năm 2012 do phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch nên không phát sinh chi phí đầu tư.	14,20	3,0

**2.2. Tiến độ thực hiện các dự án theo định hướng phát triển:**

STT	Dự án	Tiến độ thực hiện
1	Dự án khu đô thị mới phường 10, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	- Công văn số 6312/UBND-CN ngày 22/10/2007 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai lập dự án đầu tư và xây dựng Khu đô thị Sao Mai, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. - Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 06/05/2011 của UBND Thành phố Mỹ Tho về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Sao Mai - phường 10 - TP. Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang. - Hiện tại, đơn vị tư vấn đã lập xong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, dự kiến đến cuối quý 2/2013 cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
2	Khu đô thị Sao Mai Nam Trần Hưng Đạo, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.	- Dự án này được UBND tỉnh Hòa Bình chấp thuận chủ trương tại Công văn số 2538/UBND-ĐT ngày 12/12/2007. - Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 27/04/2011 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị cao cấp Sao Mai Nam Trần Hưng Đạo tại TP. Hòa Bình, Hòa Bình. - Hiện tại, đơn vị tư vấn đã lập xong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, dự kiến đến cuối quý 2/2013 cơ quan thẩm quyền phê duyệt.
3	Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn huyện Tịnh Biên, An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho công ty đầu tư tại Công văn số 2366/UBND-KT ngày 18/07/2007. - Quyết định số 4845/QĐ-UBND.HC ngày 24/5/2011 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn. - Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 12/03/2012 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên. - Giấy chứng nhận đầu tư số 521031000458 do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 02/01/2013. - Công ty đã thỏa thuận xong và nhận chuyển nhượng khoảng 65% diện tích đất của dự án. Dự kiến, đến đầu quý 3/2013 sẽ bồi hoàn xong toàn bộ diện tích còn lại



		của dự án.
4	Khu du lịch núi Trà Sư, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận địa điểm, quy mô xây dựng tại Công văn số 319/UBND-KT ngày 25/01/2008. - Ngày 25/03/2010, UBND tỉnh An Giang có Công văn số 836/UBND-KT về việc thống nhất cơ chế giao đất tại Khu Du lịch núi Trà Sư. - Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 25/09/2012 của UBND huyện Tịnh Biên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch núi Trà Sư, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên. - Hiện đang trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư.
5	Khu liên hợp công nghiệp và Cảng biển Quốc tế IDI, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	- Dự án này được UBND tỉnh Đồng Tháp chấp thuận chủ trương tại Công văn số 38/UBND-XDCB ngày 20/01/2009. - Đến nay, đã được Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận bổ sung Cảng tổng hợp Quốc tế IDI vào quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 6 tại Công văn số 1101/BGTVT-KHĐT ngày 02/03/2011.
6	Khu TMDV giải trí cửa khẩu Quốc Tế Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho công ty đầu tư tại Công văn số 4767/UBND-KT ngày 31/12/2009. - Dự án đang chờ Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt quy hoạch. - Hiện tại, Công ty đã thỏa thuận xong và nhận chuyển nhượng khoảng 25% diện tích đất của dự án.
7	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai, Khóm Bình Khánh 4, TP.Long Xuyên, An Giang.	- Dự án này được UBND tỉnh An Giang chấp thuận chủ trương cho công ty đầu tư tại Công văn số 1765/UBND-KT ngày 13/06/2011. - Hiện tại, Công ty đã hoàn thành xong công việc khảo sát địa hình, hiện trạng, lập hồ sơ qui hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và đang trình có thẩm quyền phê duyệt qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.
8	Khu dân cư Sao Mai xã Mỹ Tân, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	- Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Tháp chấp thuận chủ trương cho đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại công văn số 269/UBND-XDCB ngày 29/06/2010. - Ngày 25/01/2011, UBND thành phố Cao Lãnh ra thông báo số 02/TB-VPUBND về việc thống nhất

		chọn phương án Quy hoạch để chủ đầu tư thực hiện lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. - Đến nay, Công ty đã hoàn thành công tác khảo sát địa hình, hiện trạng và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạch chi tiết.
9	Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	- Công văn số 2027/UBND-XDCB ngày 06/07/2011 của UBND tỉnh An Giang về duyệt bố trí tổng mặt bằng dự án. - Công văn số 2839/UBND-KT ngày 15/09/2011 của UBND tỉnh An Giang về việc chấp thuận chủ trương cho lập dự án đầu tư Bệnh viện Quốc tế Sao Mai. - Hiện nay, Công ty đã có quỹ đất sạch để thực hiện dự án. Đang triển khai hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư.

3. Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Tình hình hoạt động:

a. Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát:

- ✓ Dũng Thịnh Phát là doanh nghiệp do Sao Mai An Giang thành lập để làm chủ đầu tư dự án Sao Mai Tower tại phường 16, quận 8, TP. HCM;
- ✓ Khi công ty nhận được Quyết định thu hồi và giao đất dự án thì thị trường bất động sản đang trong giai đoạn khó khăn nên công ty đã tạm dừng việc đầu tư chờ tín hiệu của thị trường để xem xét có tiếp tục đầu tư nữa không. Vì vậy, đến thời điểm này công ty vẫn chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.




b. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI:

- ✓ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia là công ty do Sao Mai An Giang góp vốn thành lập từ năm 2003, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến cá Tra fillet xuất khẩu.
- ✓ Sau khi thành lập, IDI đã được UBND tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng khoảng 230.000 m² đất tại huyện Lấp Vò theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Khu đất có vị trí giao thông thuận lợi – tọa lạc dọc theo quốc lộ 80 nối Vĩnh Long – Đồng Tháp – An Giang – Kiên Giang và Cần Thơ, tiếp giáp sông Hậu, nơi tập trung nguồn nguyên liệu cá và gạo lớn nhất trong khu vực.
- ✓ Để khai thác tiềm năng của lô đất, Ban lãnh đạo IDI đã quyết định đầu tư Cụm công nghiệp Vàm Cống với quy mô ban đầu là một nhà máy chế biến thủy sản công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày. Toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy đều là những thiết bị tiên tiến nhất hiện nay, được IDI nhập khẩu 100% từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ. Giữa năm 2008, giai đoạn 1 của nhà máy đã vận hành và đi vào hoạt động. Hiện tại, IDI đã đầu tư xong giai đoạn 2 nhà máy nâng công suất lên 600 tấn nguyên liệu/ngày.
- ✓ Một phần diện tích đất còn lại được IDI sử dụng cho công ty Trisedco thuê, công ty do Sao Mai An Giang và IDI góp vốn thành lập, hoạt động trong lĩnh vực thu mua 100% nguyên liệu từ quá trình sản xuất cá Tra fillet xuất khẩu của IDI để sản xuất bao tử cá, bột cá, mỡ thô, phân bón lá...
- ✓ Đầu năm 2011, IDI và Sao Mai đã khởi công xây dựng Nhà máy Tinh luyện dầu cá, thực phẩm chức năng đầu tiên của Việt Nam cũng như của thế giới với tổng số vốn đầu tư là 15 triệu USD, công suất 100 tấn/ngày, sau 3 năm nâng lên 200 tấn/ngày, tương đương 62.400 tấn/năm. Sản phẩm của nhà máy gồm: dầu trộn Salad, nước sốt, dầu dùng chế biến với các loại thực phẩm khác và dầu viên cá bổ sung dinh dưỡng dùng trong dược phẩm,... Với việc đầu tư nhà máy tinh luyện dầu cá này sẽ góp phần nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm của con cá da trơn; đồng thời hạn chế phụ thuộc nguồn dầu thực phẩm nhập khẩu từ nước ngoài và kích thích sự phát triển nghề nuôi này. Do phải kiểm kỹ máy móc, thiết bị từ khâu nhập khẩu đến lắp đặt nên năm 2012 nhà máy chưa đưa vào hoạt động như dự kiến mà đến tháng 6/2013 mới chính thức đi vào chạy thử.
- ✓ Ngoài ra, IDI cũng đang triển khai thực hiện một số dự án Bất động sản, du lịch tại tỉnh Đồng Tháp gồm:

ST T	Tên dự án	Qui mô	
		Diện tích (ha)	Vốn đầu tư (đồng)
1	Trạm dừng chân bến xe Lấp Vò	9,0	90.000.000.000
2	Khu du lịch Cồn Quạ, Lấp Vò	33,0	900.000.000.000
3	Khu chợ đầu mối và sản xuất lúa gạo Vĩnh Thạnh, Lấp Vò		200.000.000.000

4	Khu liên hợp công nghiệp và Cảng biển quốc tế (liên kết với Sao Mai)	157,3	1.500.000.000.000
5	Khu công nghiệp huyện Lập Vò	22,9	104.000.000.000
6	Khu Trung tâm TM huyện Lập Vò	17,4	146.493.166.000
7	Khu đô thị phía nam huyện Lập Vò	28,6	147.357.079.000

Trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản: IDI đang thứ 5 về giá trị xuất khẩu trong danh sách các nhà xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2012, đây là một tín hiệu đáng mừng trong tình hình xuất khẩu đang gặp khó khăn.



KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP VÀ CẢNG QUỐC TẾ IDI

XÃ BÌNH THÀNH + ĐỊNH AN - HUYỆN LẬP VÒ - TỈNH ĐỒNG THÁP






Dự án: KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP VÀ CẢNG QUỐC TẾ IDI
Địa điểm XD: Xã Bình Thành + Định An - huyện Lập Vò - tỉnh Đồng Tháp.

Mô tả dự án:
 - Cảng Quốc tế IDI liên kết cụm công nghiệp Vàm Cống I, II và được kết nối với các khu công nghiệp trong tỉnh và các tỉnh lân cận bằng Quốc lộ 6A, 54 và sông Hậu, sẽ hình thành khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ với cụm kho bãi, nhà xưởng, hàng xuất nhập khẩu của tỉnh Đồng Tháp, An Giang và các khu vực lân cận. Cảng có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 5.000 - 10.000 DWT. Lượng hàng hóa qua cảng dự kiến 1,2-1,5 triệu tấn/năm (2020). Khu đất dành cho Cảng có chiều dài 1.675m, rộng chiếm với diện tích hơn 80 ha bờ trái bãi, kho chứa hàng, kho lạnh, xi lô chứa lương thực, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ trong Cảng.
 - Cụm công nghiệp xây dựng các nhà máy chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất phân bón và các nhà máy khác phục vụ nhu cầu sản xuất, nhằm định hướng phát triển khu Công nghiệp Vàm Cống đa năng thành một khu Công nghiệp khép kín.

Chủ đầu tư: Tập Đoàn Sao Mai An Giang.

Tổng vốn đầu tư dự kiến: 2.976.464.000.000.

Quy mô: 174,8 ha, bao gồm các khu chức năng sau:

STT	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống (hiện hữu)	18,1	10,32
2	Khu Cảng Quốc Tế IDI	80,4	46,00
3	Biên giới vùng Cụm Công Nghiệp Vàm Cống I	20,3	11,61
4	Biên giới khu tái định cư	6,3	3,60
5	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống II	49,8	28,47
Tổng cộng		174,8	100,00

Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật) Cụm công nghiệp và Cảng để kinh doanh, cho thuê đất công nghiệp và bốc dỡ hàng hóa thông qua Cảng.



c. Công ty cổ phần đầu tư du lịch và phát triển Thủy Sản (Trisedco):

- ✓ Trisedco được Sao Mai An Giang và IDI góp vốn thành lập để đầu tư Nhà máy chế biến phụ phẩm cá tra thành các sản phẩm có giá trị như: bột cá và mỡ cá, với công suất 270 tấn nguyên liệu/ngày;
- ✓ Năm 2012 Nhà máy chế biến phụ phẩm Trisedco đi vào hoạt động hết công suất, hiện tại sản phẩm của công ty được bán nội địa và xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Châu Á như: Nhật, Đài Loan, Trung Quốc,...



d. Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư tài chính (ASTAR)

- ✓ Tiền thân của công ty Astar là Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn thiết kế kiến trúc An Giang. Trong những năm qua, Astar đã thực hiện tư vấn, thiết kế và giám sát nhiều dự án do Sao Mai làm chủ đầu tư;
- ✓ Hiện tại, Astar đang phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại An Giang và đang hợp tác cùng Sao Mai đầu tư các dự án tại địa phương.

e. Công ty cổ phần đầu tư địa ốc và khoáng sản Châu Á (AIM)

- ✓ AIM được Sao Mai An Giang góp vốn thành lập để hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp, các công trình kỹ thuật dân dụng khác và kinh doanh bất động sản. Hoạt động đầu tư kinh doanh tập trung chính trên địa bàn huyện Lấp Vò;
- ✓ Hiện AIM đang được Tỉnh Đồng Tháp và huyện Lấp Vò cho đầu tư một số dự án tại địa phương, có dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư và thực hiện bồi hoàn trong năm 2013.

f. Công ty cổ phần đầu tư tài chính và truyền thông Quốc tế (IMF)

- ✓ IMF được Sao Mai An Giang góp vốn thành lập để hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, nước khoáng và kinh doanh lương thực.
- ✓ Do thành lập trong giai đoạn kinh tế bị suy thoái, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn nên hiện tại IMF chỉ hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.



Khu đô thị Sao Mai Bình Khánh 3 hiện nay

g. Công ty cổ phần Nhựt Hồng

Đây là đơn vị đang thực hiện dự án Khu dân cư phía đông quốc lộ 1A (Khu A) - xã Lý Văn Lâm - Thành phố Cà Mau - Tỉnh Cà Mau, với quy mô dự án là 44,11 ha. Trong quá trình thực hiện dự án thì doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính và đã mời gọi Sao Mai tham gia góp vốn thực hiện dự án. Bằng kinh nghiệm của mình, Sao Mai nhận thấy dự án có một điểm thuận lợi mà các dự án nếu đầu tư mới không có là:

- ✓ Được phép phân lô bán nền;
- ✓ Đa phần đất nông nghiệp nên chi phí bồi hoàn không cao. Hơn nữa trước đây doanh nghiệp đã thỏa thuận với người có đất trong dự án theo hướng đổi đất ruộng lấy đất nền được hơn 80% diện tích dự án, do đó vốn bồi hoàn còn lại không nhiều;
- ✓ Cách trung tâm thành phố Cà Mau 2 km về hướng Nam, giao thông thuận lợi cả về đường bộ và đường thủy (đường Nguyễn Tất Thành ở phía Tây, đường Vành đai theo quy hoạch chung thành phố Cà Mau ở phía Bắc và sông Gành Hào ở phía Đông khu vực quy hoạch).

Vì vậy, Sao Mai đã quyết định góp vốn cùng Công ty Nhựt Hồng thực hiện dự án.

Tiến độ thực hiện:

- ✓ Bồi hoàn trên 95% diện tích dự án;
- ✓ Đang san lấp được hơn 20% diện tích đã bồi hoàn.



4. Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Tên doanh nghiệp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Nợ phải trả
1. Công ty Dũng Thịnh Phát	17.272.727	11.723.427	34.539.186.802	48.958.169.195	14.418.982.393
2. Công ty IDI	1.331.157.378.976	36.589.044.556	538.298.348.645	1.468.353.445.149	930.055.096.504
3. Công ty Trisedco	374.172.612.181	13.477.805.825	156.348.651.208	356.396.314.821	200.047.663.613
4. Công ty Astar	591.773.636	105.543.862	119.834.501.634	155.802.158.708	35.967.657.074
5. Công ty AFC	-	12.251.622	81.499.186.960	82.239.904.203	740.717.243
6. Công ty IMF	-	(4.544.473.912)	(1.158.622.392)	91.377.608	1.250.000.000
7. Công ty Nhựt Hồng	272.727.273	225.030.410	46.685.030.410	47.503.431.508	818.401.098





IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011 (đồng)	Năm 2012 (đồng)	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.378.252.147.301	1.577.815.065.017	14,48
2	Doanh thu thuần	873.610.695.060	1.018.096.288.660	16,54
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	86.449.101.079	11.083.006.451	(87,18)
4	Lợi nhuận khác	386.109.484	(3.253.776.037)	(942,71)
5	Lợi nhuận trước thuế	87.674.381.813	15.217.272.181	(82,64)
6	Lợi nhuận sau thuế	66.491.785.833	13.245.228.376	(80,08)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	71.525.163.600	-	

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>)	1,52	1,31	
- Hệ số thanh toán nhanh: (<i>TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn</i>)	0,83	0,7	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,52	0,57	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,07	1,33	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	1,70	1,97	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,64	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,01	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,02	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,01	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	0,01	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 39.736.202.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 39.736.202.

2. Cơ cấu cổ đông:

2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 13/4/2012:

Stt	Cổ đông trong nước	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần	Tỷ lệ (*)
01	Cổ đông là cá nhân	441	33.920.580	85,36%
	<i>HDQT, Ban TGD, KTT, BKS</i>	8	8.258.600	20,78%
02	Cổ đông là pháp nhân	10	4.019.980	10,12%
	Tổng cộng (1+2)	451	37.940.560	95,48%

(*) là tỷ lệ cổ phần của từng loại cổ đông trên tổng số cổ phần đang lưu hành của Sao Mai An Giang.

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 13/4/2012:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ	Biến động về tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thanh Thuần	326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	CT HDQT kiêm TGD ASM	4.011.400	10,10%	Không có
2	Võ Thị Thanh Tâm	326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	-	3.256.000	8,19%	Không có
3	Lê Văn Tình	Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.	-	2.841.700	7,15%	Không có
4	Lê Văn Chung	72 Trần Nhật Duật, TP. Long	TV HDQT	2.400.000	6,04%	Không có

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ	Biến động về tỷ lệ sở hữu
		Xuân, tỉnh An Giang	ASM			
	Tổng cộng		-	12.509.100	31,48%	

2.2. Cổ đông nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 13/4/2012:

Stt	Cổ đông nước ngoài	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần	Tỷ lệ (*)
01	Cổ đông là cá nhân	36	993.780	2,50%
02	Cổ đông là pháp nhân	10	801.862	2,02%
	Tổng cộng	46	1.795.642	4,52%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:** Trong năm không có sự thay đổi nào về vốn chủ sở hữu.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

1.1. Bất động sản:

1.1.1. Doanh thu và hiệu quả:

STT	Dự Án	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Khu dân cư Bến xe Châu Đốc	101.112.000	-	101.112.000
2	Khu dân cư Bình Khánh 3	82.941.248.092	24.738.657.319	58.202.590.773
3	Khu dân cư Bến Tre	21.955.818.119	3.569.448.812	18.386.369.307
4	Khu dân cư Phú Hòa	707.316.362	565.853.090	141.463.272
6	Đất trại Gà	15.456.509.100	1.318.618.230	14.137.890.870
7	Khu dân cư Tịnh Biên	20.198.115.979	5.396.052.840	14.802.063.139
	Tổng	141.360.119.652	35.588.630.291	105.771.489.361

Tình hình khai thác cụ thể các dự án Bất động sản của công ty tính đến ngày 31/12/2012:

KHU DÂN CƯ BẾN XE CHÂU ĐỐC

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	53	7.368,6	18	2.612,3	35	4.756,3

KHU DÂN CƯ BÌNH KHÁNH 3

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	2.681	231.422	2.165	188.115,1	516	43.306,9

KHU DÂN CƯ BẾN TRE

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	647	64.544	597	58.751	50	5.793
Đất kinh doanh khác	2	6.801			2	6.801
Tổng	649	71.345	597	58.751	52	12.594

**KHU DÂN CƯ TỈNH BIÊN**

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	1068	101.780,2	362	34.354,5	706	67.425,7
Đất kinh doanh khác						
Tổng	1068	101.780,2	362	34.354,5	706	67.425,7

KHU DÂN CƯ TRI TÔN

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	1.247	102.745	303	19.982,9	944	82.762,2
Đất kinh doanh khác		39.812				39.812
Tổng	1.247	142.557	303	19.982,9	962	122.574,2

KHU DÂN CƯ HỘI AN

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	297	29.447	77	6.545	220	22.902

KHU DÂN CƯ PHÚ HÒA

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố	254	15.868,6	244	15.091,3	10	777,3

ĐẤT TRẠI GÀ

Diễn giải	Qui mô		Đã bán		Còn lại	
	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)	Số nền	Diện tích (m ²)
Nhà phố		17.836		17.836		0

**1.1.2. Thuận lợi và khó khăn:****a. Thuận lợi:**

- o Hàng hóa là đất nền (không có nhà) là sản phẩm gần như thiết yếu của người dân, ngoài ra đây cũng là kênh đầu tư ưa thích của người Việt Nam (do giá đất tăng theo thời gian);
- o Đối với dự án đầu tư công ty thường lựa chọn nơi có quỹ đất dễ giải tỏa, giá đền bù thấp, cộng với chính sách chia sẻ quyền lợi với người giải tỏa nên tiến độ được đẩy nhanh, giảm bớt chi phí đầu tư. Bên cạnh đó, thiết kế hạ tầng phù hợp theo hướng ưu tiên đất thành phẩm nhiều, quản lý đầu tư chặt chẽ nên giá thành thấp phù hợp với người có thu nhập trung bình, do đó khách hàng mục tiêu rất rộng;
- o Công ty có áp dụng phương thức bán trả góp nên trong năm lượng khách hàng mua nền tăng đáng kể, đối với phương thức này công ty không có rủi ro do chỉ sang tên Giấy CNQSD đất khi khách hàng đã nộp đủ tiền theo hợp đồng và thực tế nợ quá hạn không đến 5%;
- o Do có nghiên cứu trước nên địa điểm đầu tư dự án chủ yếu là phục vụ người có nhu cầu sử dụng. Vì vậy, không chịu nhiều ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, bằng chứng công ty vẫn bán được hàng;
- o Công tác quảng bá thông tin khá tốt nhờ xác định rõ khách hàng mục tiêu (người sẽ thực sự mua hàng của công ty) để lựa chọn kênh phù hợp nên chi phí thấp nhưng hiệu quả lại cao;
- o Xây dựng được lực lượng bán hàng hùng hậu nhờ phương thức trả lương theo sản phẩm bán được (hưởng lương theo hoa hồng) nên mỗi lực lượng và đội ngũ này góp phần quảng bá sản phẩm cho công ty;
- o Khách hàng rất hài lòng về chính sách chăm sóc sau bán hàng của công ty nên giới thiệu thêm khách hàng cho công ty.

b. Khó khăn:

- o Kinh tế suy thoái làm cho thu nhập người dân giảm dẫn đến việc người dân tuy có nhu cầu nhưng không đủ khả năng mua;
- o Tín dụng cho bất động sản vẫn chưa được nới lỏng và lãi suất còn cao;
- o Các chính sách về tiền tệ, quản lý đất đai của nhà nước trong thời gian qua cũng đã làm hạn chế dòng tiền vào bất động sản, khiến thị trường trầm lắng kéo dài.





1.2. Thủy sản:

1.2.1. Phân loại doanh thu:

a. Xuất khẩu:

Tháng	Khối lượng có mạ băng (Kg)	Doanh Thu (USD)
1	317.580	789.128,4
2	492.500	1.221.651,5
3	454.500	1.136.807,5
4	1.022.000	2.311.490
5	1.168.950	2.488.057,5
6	1.493.886	3.279.624,44
7	417.500	875.075
8	1.881.049	3.945.649,56
9	1.394.580	2.941.241,9
10	1.694.400	3.472.948
11	1.214.260	2.417.067,4
12	2.279.959	4.580.869,78
Tổng	13.831.164	29.459.610,98

b. Bán trong nước:

Tháng	Khối lượng có mạ băng (Kg)	Doanh thu (VNĐ)
4	25.000	958.392.000
6	2.609.700	140.923.800.000
7	25.000	915.524.000
8	114.535	4.867.737.500
9	1.634.690	72.285.412.000
11	200.810	8.233.210.000
12	954.000	57.111.475.000
Tổng	5.563.735	285.295.550.500

1.2.2. Thị trường & khách hàng:

Công ty hiện có 180 khách hàng xuất khẩu, trong đó khách hàng mới là 44. Trong năm 2012, công ty đã xuất khẩu đến các thị trường mới như Canada, Mỹ, Cộng Hòa Dominica, Pakistan và Bermuda,...



a. Thị phần theo quốc gia:

STT	THỊ TRƯỜNG	Khối Lượng (kg)	Tỉ lệ % KL	Thành Tiền (USD)	Tỷ lệ (%) thành tiền
1	COLOMBIA	3.914.099	28,30	8.323.633	28,25
2	BRA ZIN	3.769.000	27,25	7.823.750	26,56
3	MÊ XI CÔ	1.191.750	8,62	2.836.580	9,63
4	HONGKONG	1.349.400	9,76	2.498.515	8,48
5	SAUDI ARABIA	760.000	5,49	1.657.890	5,63
6	TRUNG QUỐC	422.000	3,05	1.006.308	3,42
7	UCRAINA	375.000	7,71	713.000	2,42
8	ANGÊRI	307.260	2,22	700.886	2,38
7	MALAYSIA	290.240	2,10	595.407	2,02
10	ẤN ĐỘ	192.000	1,39	421.430	1,43
11	HÀ LAN	149.500	1,08	392.243	1,33
12	CANADA	125.000	0,90	325.000	1,10
13	MỸ	120.000	0,87	305.000	1,04
14	CH ĐÔMINICA	100.000	0,72	298.464	1,01
15	BERMUDA	75.000	0,54	257.000	0,87
16	PARKISTAN	50.000	0,36	115.000	0,39
17	Khách hàng khác	640.915	4,64	1.189.504,98	4,04
	TỔNG CỘNG	13.831.164	100	29.459.610,98	100

b. Thị phần theo Châu lục:

Châu lục	Doanh số (USD)	Tỉ trọng (%)
CHÂU Á	6.430.000	21,83
CHÂU ÂU	2.112.243	7,17
CHÂU MỸ	19.613.963	66,57
CHÂU PHI	998.464	3,39
CHÂU ÚC	304.940,98	1,04
Tổng cộng:	29.459.610,98	100

1.2.3. Những thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- o Công nhân nhà máy ổn định, tỷ lệ nghỉ, bỏ việc rất ít;
- o Công suất nhà máy ổn định, đáp ứng được sản lượng trung bình 3.500 - 4.000 tấn nguyên liệu/tháng;
- o Cá nguyên liệu đáp ứng được hầu hết tất cả các yêu cầu đơn hàng về cỡ, màu, v.v...;
- o Giá cá nguyên liệu trong quý 4/2012 giảm còn khoảng 22.000 đ/kg;

- o Nhu cầu thị trường Nam Mỹ như Colombia, Brazil tăng;
- o Chất lượng sản phẩm ổn định;
- o Hàng của công ty đã được xuất vào thị trường Mỹ tiềm năng và đã đạt được kết quả khả quan;
- o Đội ngũ bán hàng nhạy bén và linh động.

b. Khó khăn:

Ngoài những thuận lợi nêu trên thì công ty cũng gặp phải một số khó khăn nhất định, cụ thể:

- o Khó dự đoán được tình hình diễn biến nguyên liệu trong dài hạn;
- o Giá cả nguyên liệu diễn biến thất thường khó kiểm soát dẫn đến rủi ro trong việc xác định giá bán khi ký hợp đồng số lượng lớn, giao dài hạn với khách hàng;
- o Đôi khi vẫn thiếu cả nguyên liệu ảnh hưởng đến lịch giao hàng;
- o Không tiên đoán được nhu cầu thị trường và nhu cầu khách hàng.
- o Kênh phân phối chưa nhiều và hoạt động thật sự chưa hiệu quả.

Dưới đây là Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của Sao Mai so với kế hoạch và những năm trước: *DVT: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012		So sánh (%)	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	TH/2011
Doanh thu thuần	873.610.695.060	1.310.420.000.000	1.018.096.288.660	77,7	116,5
Lợi nhuận sau thuế	66.485.857.024	130.440.000.000	13.245.228.376	10	19,9

Về nguyên nhân dẫn đến không hoàn thành kế hoạch công ty đã trình bày ở phần trên. Tuy nhiên, về phía Ban điều hành cũng ghi nhận những thiếu sót trong việc đề ra kế hoạch vì đã không tính toán hết những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình kinh doanh dẫn đến xây dựng kế hoạch chênh lệch lớn so với thực hiện được.



Dự án Khô đô thị Sao Mai thị trấn Tịnh Biên hiện tại

2. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- ✓ Thương hiệu Sao Mai ngày càng được củng cố với việc được Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn là **1 trong 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam**. Về gốc độ địa phương Sao Mai vẫn giữ vững là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.
- ✓ Nhân sự và năng suất lao động: Năm 2012 là năm công ty đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ nguồn để kế thừa, bằng việc đưa nhiều cán bộ CNV đi học tập tại nước ngoài như: Mỹ, Úc, Singapore, Trung Quốc,... Bên cạnh đó, công ty còn ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án, hàng hóa và khách hàng để tăng hiệu quả công việc.
- ✓ Chất lượng dịch vụ: Sau khi công ty áp dụng quy trình xử lý nội bộ thì sự phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong công ty có liên quan đến khách hàng như: Phòng kế toán, Phòng tài chính, Phòng quản lý bất động sản, phòng kinh doanh và các Ban quản lý dự án đã tốt hơn trước đây rất nhiều và trách nhiệm giữa các bộ phận này cũng được nâng cao. Từ đó các thắc mắc, khó khăn và yêu cầu của khách hàng đều được công ty giải quyết nhanh hơn và đáp ứng kỳ vọng của khách hàng. Ngoài ra, ở khâu chăm sóc khách hàng còn có một Phó tổng giám đốc phụ trách thường xuyên tham gia đối thoại với khách hàng nhằm tháo gỡ kịp thời, nhanh chóng những trường hợp ngoài thẩm quyền của các bộ phận chuyên môn.
- ✓ Hoạt động xã hội: Tiếp tục truyền thống tương thân tương ái, năm 2012 công ty cũng đã trích một phần lợi nhuận của mình để xây nhà tình thương, hỗ trợ các gia đình nghèo ăn tết và đóng góp cho Quỹ môi sinh học đường.





II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản:

- Năm 2012, Tổng tài sản của Sao Mai An Giang đạt gần 1.578 tỷ đồng, tăng khoảng 14,5% so với năm 2011.
- Trong cơ cấu tổng tài sản thì tài sản dài hạn đạt 601,1 tỷ đồng (# chiếm 38% tổng tài sản) và tài sản ngắn hạn đạt hơn 976,6 tỷ đồng (# chiếm 62% tổng tài sản).
- Tổng tài sản của Sao Mai An Giang năm 2012 tăng so với năm 2011 do hàng tồn kho và chi phí xây dựng dở dang tăng 108 tỷ đồng, tương đương tăng 19,56% (chủ yếu là do đầu tư hoàn thiện hạ tầng các dự án còn dở dang như: Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú, Bình Khánh 3, Hội An Bên cạnh đó, với việc ứng tiền bồi hoàn đất các dự án, thu mua cá tra nguyên liệu và liên kết nuôi cá đã làm cho tài sản ngắn hạn công ty năm 2012 tăng lên 79,3 tỷ đồng (tương đương 8,83%) so với tài sản ngắn hạn của công ty tại thời điểm cuối năm 2011.

2. Nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn	Năm 2011	Năm 2012
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,52	0,57
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,06	1,33

So với năm 2011, hệ số nợ/tổng tài sản công ty có tăng nhưng không đáng kể (0,05 lần), nhưng hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lại tăng cao (0,27 lần) là do công ty tăng dư nợ vay để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các lĩnh vực chính khi thấy chi phí lãi vay xuống mức hợp lý. Tuy nhiên, công ty sẽ không chế hệ số nợ/vốn chủ sở hữu không được vượt mức 1,5 lần.

3. Hiệu quả sử dụng vốn:

Với mức lợi nhuận năm 2012 khiêm tốn, chỉ đạt 13,24 tỷ đồng, chỉ số EPS khoảng 333 đồng/cổ phần, giảm đáng kể so với năm 2011, cho thấy hoạt động kinh doanh của Sao Mai An Giang trong năm 2012 không hiệu quả. Kết thúc năm 2012 Sao Mai đạt được những kết quả đáng chú ý như sau:

Đơn vị tính: đồng

ST T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2012	NHẬN XÉT
1	Vốn chủ sở hữu	665.581.427.222	677.415.966.446	Tăng 1,78% so với năm 2011
2	Vốn điều lệ	397.362.020.000	397.362.020.000	Tăng 0% so với năm 2011
3	Doanh thu	873.610.695.060	1.018.096.288.660	Tăng 16,54% so với năm 2011
4	Lợi nhuận sau thuế	66.485.857.024	13.245.228.376	Bằng 19,92% năm 2011
5	Lợi nhuận sau thuế/một cổ phần	1.951	333	Bằng 17,07% năm 2011



III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Bộ máy hoạt động đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt và hiệu quả;
- Một số bộ phận thực hiện khoán lương theo sản phẩm bước đầu đã phát huy tác dụng. Ngoài ra, công ty còn tăng cường chế độ khen thưởng cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Việc thực hiện phân quyền các bộ phận chuyên môn đã phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng đơn vị trong công việc góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

VI. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

1. Về kinh doanh:

1.1. Bất động sản:

Trong năm 2013 tập trung đẩy mạnh bán hàng nhằm giảm bớt lượng tồn kho và tăng vòng quay vốn. Đồng thời đảm bảo doanh thu bình quân mỗi tháng tối thiểu là 12 tỷ đồng, để đạt được kết quả này công ty cần phải thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Đối với các dự án có tốc độ bán hàng chậm và tồn kho còn nhiều, phải tìm hiểu căn cứ nguyên nhân để từ đó có chiến lược kinh doanh hay điều chỉnh quy hoạch lại cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Chẳng hạn như thiếu công trình phúc lợi công cộng; Hạ tầng kỹ thuật, an ninh, môi trường, mỹ quan đô thị chưa đảm bảo hoặc giá cả và phương thức thanh toán chưa đáp ứng kỳ vọng của khách hàng;
- Xem xét kéo dài tiến độ trả góp không tính lãi từ 5 năm hiện nay lên 7 năm hoặc nhiều hơn;
- Tuyển dụng thêm nhiều nhân viên bán hàng có chuyên môn, kỹ năng giao tiếp tốt và có kinh nghiệm trong lĩnh vực bất động sản cho phòng kinh doanh, do phương thức trả lương theo sản phẩm nên việc này không làm tăng chi phí nhưng lại góp phần quảng bá rộng rãi dự án đến khách hàng mục tiêu và bán được nhiều sản phẩm hơn;
- Cải thiện hơn nữa khâu chăm sóc khách hàng để tăng độ hài lòng của khách hàng đối với công ty. Chính sự hài lòng này sẽ làm cho khách hàng cũ giới thiệu thêm khách hàng mới (bao gồm cả người thân, bạn bè) đến mua sản phẩm của công ty;
- Đầu tư nhiều hơn vào công tác nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến khách hàng cũng như nghiên cứu đối thủ cạnh tranh để điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp (về giá cả, phương thức thanh toán và các ưu đãi cho khách hàng);
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ của công ty đối với khách hàng như: giao nền đúng hạn, rút ngắn thời gian giao Giấy chứng nhận QSD đất từ 2 – 3 tháng như hiện nay xuống còn 45 ngày và giải quyết các vướng mắc cho khách hàng một cách nhanh chóng, thỏa đáng;
- Đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ giao tiếp cho bộ phận thu hồi công nợ và chăm sóc khách hàng;
- Tiếp tục kế thừa công tác quảng cáo - tiếp thị như đã thực hiện trước đây. Tuy nhiên, cần xác định rõ khách hàng mục tiêu tiếp thị đúng đối tượng, để tránh lãng phí và không hiệu quả.

1.2. Thủy sản:

Dự kiến doanh thu năm 2013 là khoảng 46 triệu USD sản lượng tiêu thụ trung bình/tháng là 80 cont và cơ cấu thị trường trong năm 2013 như sau:



Thị trường	Số lượng cont/tháng	Tỷ lệ %	Cỡ	Màu cá dự kiến
1. Trung Quốc	10	12,5	170-220, 220-up, 220-300, 300-400	Trắng, hồng lợt
2. Mỹ + Canada	20	25,0	3-5oz, 5-7 oz, 7-9 oz, 9-11 oz, 4-6 oz, 6-8 oz, 80-10 oz	Trắng, hồng lợt
3. Trung Mỹ + Nam Mỹ	30	37,5	5-7 oz, 7-9 oz 170-220, 220-up, 1000-up (nguyên con bỏ đầu, bỏ tạng)	Cá đỏ, trắng, hồng lợt, cá nguyên con, cắt khúc
4. Các thị trường khác	20	25,0	120-170g, 170-220g, 220-up, 6-8 oz, 8-10 oz, 5-7 oz, 7-9 oz,	Trắng, hồng lợt, hồng, vàng nhạt (rất ít)
Tổng cộng	80	100		

Để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, công ty cần phải thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Nâng cao nghiệp vụ bộ phận bán hàng và bộ phận làm chứng từ;
- Tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ các khâu then chốt trong phòng kinh doanh nhằm hạn chế sai sót ở mức thấp nhất (*bán hàng, chứng từ, bao bì*), đặc biệt là đối với những nhân viên mới;
- Nâng cao nghiệp vụ và chuyên nghiệp hóa đội ngũ bán hàng, đồng thời tuyển dụng thêm nhân viên bán hàng có kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản;
- Chọn lọc những khách hàng tiềm năng như nhà phân phối sỉ, các siêu thị và thị trường hấp dẫn, đồng thời hoạch định chiến lược hợp tác lâu dài bằng chính sách chăm sóc khách hàng như hỗ trợ về giá bán, đảm bảo chất lượng, thời gian giao hàng và giải đáp những vướng mắc khách hàng thỏa đáng, nhanh nhất;
- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt nhu cầu thị hiếu của khách hàng để cải tiến sản phẩm, đáp ứng nhu cầu kịp thời của khách hàng;
- Tích cực đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại như tham gia các hội chợ triển lãm để giới thiệu sản phẩm;
- Cân đối thị trường xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả trong kinh doanh;
- Lập văn phòng đại diện bán hàng tại Trung Quốc và một số thị trường tiềm năng, v.v....
- Siết chặt vấn đề kiểm soát chất lượng trong qui trình chế biến, đặc biệt là khâu phân cỡ, khâu xử lý phụ gia và thành phẩm;
- Ngoài việc tự nuôi cá và liên kết với các hộ nuôi để chủ động nguồn nguyên liệu, công ty còn xây dựng chiến lược nhằm ổn định nguyên liệu đầu vào với mức giá thấp nhất, chất lượng tốt nhằm tăng hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, đảm bảo cá nguyên liệu về nhà máy phải đạt tỷ lệ đúng với đơn hàng mức cao nhất.

1.3. Xây dựng:

Chủ trương công ty vẫn duy trì lĩnh vực này, nhằm đảm bảo việc làm cho các đội xây dựng. Tuy nhiên, mục tiêu kinh doanh an toàn vẫn được công ty đặt lên hàng đầu. Do đó, công ty vẫn chỉ nhận thầu các công trình thanh toán vốn nhanh, xét thấy có hiệu quả. Doanh thu đặt ra cho lĩnh vực này năm 2013 là 50 tỷ.



1.4. Ngành dịch vụ:

Tập trung khai thác tối đa công suất Khu resort Sao Mai Bà Rịa Vũng Tàu, Khu cư xá Agifish và các văn phòng cho thuê đảm bảo doanh thu năm 2013 đạt 10 tỷ đồng.

2. Về đầu tư:

2.1. Bất động sản:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng Dự án Khu dân cư thị trấn Tri Tôn và Khu dân cư Hội An trong năm 2013;
- Hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu dân cư Bắc quốc lộ 91 trong quý 2/2013;
- Thực hiện thu hồi và giao đất, đồng thời nộp dứt điểm tiền sử dụng đất dự án Khu dân cư Bình Khánh 5;
- Bồi hoàn dứt điểm dự án Đường giải thoát giao thông Nam Trà Ôn, tiến tới thu hồi, giao đất và nộp tiền sử dụng đất trong năm 2013;
- Do xác định việc đầu tư và triển khai các dự án mới là nhiệm vụ hàng đầu và mang tính chiến lược của công ty. Vì vậy, trong thời gian nguồn vốn tín dụng bất động sản bị thắt chặt, công ty vẫn hoàn thiện các hồ sơ xin phép đầu tư các dự án mới theo qui định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đầu tư dự án khi nguồn vốn tín dụng được khai thông, gồm các dự án sau:

STT	Dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích (ha)
1	Dự án khu đô thị mới phường 10, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	1,500.00	150.00
2	Khu đô thị Sao Mai Nam Trần Hưng Đạo, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.	987.50	70.21
3	Khu biệt thự nghỉ dưỡng Thiên Cảnh Sơn huyện Tịnh Biên, An Giang.	85.00	6.08
4	Khu du lịch núi Trà Sư, huyện Tri Tôn, AG.	85.00	9.61
5	Khu liên hợp công nghiệp và Cảng biển Quốc tế IDI, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.	1,885.00	156.80
6	Khu TMDV giải trí cửa khẩu Quốc Tế Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, An Giang.	234.00	41.06
7	Khu đô thị Cao cấp Sao Mai, Khóm Bình Khánh 4, TP.Long Xuyên, An Giang.	327.00	45.86
8	Khu dân cư Sao Mai xã Mỹ Tân, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	800.00	49.30
9	Bệnh viện quốc tế Sao Mai – Tp Long Xuyên (qui mô 500 giường).	578.49	0.44

2.2. Thủy sản:

- Phát triển thêm vùng nuôi để chủ động nguồn nguyên liệu sạch cho chế biến;
- Hỗ trợ IDI sớm hoàn thành Nhà máy tinh luyện dầu để đưa vào hoạt động và đầu tư bồn dự trữ mỡ cá chuẩn bị nguồn nguyên liệu cho sản xuất khi nhà máy vận hành;
- Đầu tư thêm máy hút chân không để đáp ứng kịp thời các đơn đặt hàng của khách;

- Bổ sung máy móc thiết bị cho phòng thí nghiệm để nâng cao độ chính xác trong kiểm tra vi sinh thực phẩm.

2.3. Ngành xây dựng và dịch vụ:

Trong năm không đầu tư thêm, chỉ khai thác kinh doanh trên nền tảng sẵn có.

3. Từ những định hướng trên, Ban điều hành công ty đã thận trọng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013 và được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đã thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	KH/TH (%)
1. Doanh thu thuần	1.018	1.150	113%
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	13,25	20	150%
3. Vốn điều lệ	397,36	397,36	0%

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Về ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của công ty có đề cập đến việc trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI đã được công ty giải trình trong Báo cáo tài chính riêng năm 2012 đã được kiểm toán (phần 2* thuyết minh số 11).



Dự án Bắc Quốc Lộ 91 sau khi hoàn thành



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, Hội đồng quản trị đã đề ra các chủ trương bằng nhiều Nghị quyết, Quyết định cho việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đồng thời bám sát tình hình thực tế để kịp thời phối hợp với Ban điều hành xử lý những vấn đề then chốt trong sản xuất kinh doanh. Thế nhưng, do nền kinh tế năm 2012 còn nhiều khó khăn và diễn biến khó lường, giá cả các mặt hàng thiết yếu thay đổi thất thường, bất động sản vẫn trầm lắng, trong khi thủy sản vẫn chịu nhiều áp đặt từ các nước nhập khẩu. Chính vì thế, năm 2012 công ty đã không hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, đây cũng là bài học để Hội đồng quản trị và Ban điều hành xem xét lại việc xây dựng kế hoạch cho phù hợp với tình hình chung, trong đó phải tính tới phương án dự phòng rủi ro.

2. Tình hình đầu tư:

Năm 2012, tuy tín dụng Bất động sản vẫn khan hiếm, thế nhưng nhờ vào uy tín trong kinh doanh và kinh nghiệm thực hiện các dự án, công ty vẫn được các tổ chức tín dụng tin tưởng cấp vốn để đầu tư hoàn thiện các dự án: Tịnh Biên, Bắc Quốc Lộ 91, Tri Tôn và Hội An. Trong đó dự án Tịnh Biên và Bắc Quốc Lộ 91 đã đầu tư xong (tổng sản phẩm của hai dự án này là hơn 2.000 nền), riêng dự án Tịnh Biên đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất trong năm 2012, còn dự án Khu dân cư Bắc Quốc Lộ 91 đã hoàn thành thủ tục và đang chờ nhận Giấy. Đây cũng là thành công của công ty trong năm 2012, vì khi các dự án này hoàn thành ngoài việc góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty còn bổ sung thêm tài sản thế chấp khi công ty thực hiện vay vốn để tái sản xuất.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, tuy tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng bằng nỗ lực của mình Ban Tổng giám đốc đã lèo lái công ty vượt qua những khó khăn của năm 2012, ổn định sản xuất và giữ vững danh hiệu là doanh nghiệp hàng đầu trong khu vực về kinh doanh bất động sản.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Phối hợp với Ban điều hành tập trung đẩy mạnh công tác Marketing và bán hàng nhằm tiêu thụ các sản phẩm đã hoàn thành, tăng nhanh vòng quay và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty;
- Ưu tiên vốn cho đầu tư các dự án theo kế hoạch của Ban điều hành;

- Hoàn thiện thủ tục cấp phép và tiến tới xây dựng Bệnh viện cao cấp Sao Mai;
- Phối hợp tích cực với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia hoàn thành các công đoạn còn lại để đưa nhà máy tinh luyện dầu vào hoạt động trong tháng 6/2013;
- Cử cố bộ máy hoạt động, tiếp tục đưa cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ quản lý.



Buổi làm việc của Lãnh đạo Sao Mai với Lãnh đạo UBND tỉnh An Giang và các doanh nghiệp đến từ Hà Nội

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty CP đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2010 – 2015 có 06 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Trong đó, có 04 thành viên tham gia điều hành và 02 thành viên không tham gia điều hành, cụ thể:

ST T	Họ & Tên	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Lê Thanh Thuận	CT.HĐQT	4.002.400	10,10%	Kiểm Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Hưng	P.CTHĐQT	809.000	2,04%	Kiểm Phó tổng giám đốc trực
3	Lê Văn Thủy	TV.HĐQT	449.000	1,13%	Không điều hành
4	Lê Văn Chung	TV.HĐQT	2.400.000	6,04%	Kiểm Phó tổng giám đốc
5	Lê Xuân Quế	TV.HĐQT	489.000	1,23%	Kiểm Phó tổng giám đốc
6	Võ Thị Hồng Tâm	TV.HĐQT	89.000	0,22%	Không điều hành

Lý lịch trích ngang của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ông Lê Văn Thủy sinh năm 1963 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1979-1982 là bộ đội học tại trường Thông tin Quân đoàn 2.F306 E422.

Sau khi xuất ngũ và theo học các lớp về cơ khí, từ năm 1989 ông làm thợ cơ khí đến năm 1995 làm phó Quản đốc.

Sau đó, Ông Thủy tham gia thành lập Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997 và làm đội trưởng đội xây dựng số 8. Từ năm 2003 đến nay làm Giám đốc Ban Quản lý dự án Bình Khánh 3 kiêm trưởng Ban giải tỏa đền bù dự án Bình Khánh 5. Hiện nay ông Thủy đang nắm giữ 449.000 cổ phần, tương đương 1,13 % vốn điều lệ của Sao Mai An Giang.





Bà Võ Thị Hồng Tâm sinh năm 1963 tại Châu Đốc – An Giang.

Năm 1998 công tác tại Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai An Giang.

Năm 2008, Bà Tâm được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Công ty Sao Mai An Giang.

Hiện nay Bà Tâm đang nắm giữ 89.000 cổ phần của Sao Mai An Giang, tương đương 0,22 % vốn điều lệ.

Danh sách Hội đồng quản trị nắm cổ phần tại các công ty khác:

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Tên Công Ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Lê Thanh Thuận	Chủ tịch HĐQT	Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	4.927.117	12,97
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	192.100	1,28
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc và Khoán Sản Châu Á (AIM)	6.300.000	52,50
2	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch HĐQT	Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	483.480	1,27
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	50.000	0,33
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc và Khoán Sản Châu Á (AIM)	90.000	0,75
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế (IMF)	50.000	5,00
3	Lê Văn Thủy		Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	84.375	0,22
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	87.300	0,58
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc và Khoán Sản Châu Á (AIM)	90.000	0,75
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế (IMF)	50.000	5,00
4	Lê Văn Chung	Phó tổng GD	Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	442.174	1,16
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	120.000	0,80
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc và	100.000	0,83



			Khoán Sản Châu Á (AIM)		
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế (IMF)	30.000	3,00
			Cty Cổ Phần Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính (STAR)	40.000	0,33
5	Lê Xuân Quế	TV.HĐQT	Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI)	376.760	0,99
		TGĐ	Cty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	33.000	0,22
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc và Khoán Sản Châu Á (AIM)	90.000	0,75
			Cty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính và Truyền Thông Quốc Tế (IMF)	50.000	5,00
			Cty Cổ Phần Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính (ASTAR)	60.000	0,50
6	Võ Thị Hồng Tâm		Cty Cổ Phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (TriSedCo)	6.000	0,04
			Cty Cổ Phần Tư Vấn và Đầu Tư Tài Chính (ASTAR)	10.000	0,08

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012 vừa qua, với quyền hạn và trách nhiệm của mình Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát và hỗ trợ tích cực cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành hành sản xuất kinh doanh. Đồng thời, xem xét quyết định các vấn đề mang tính chiến lược và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tế, quy định của pháp luật và điều lệ công ty, cụ thể bằng các Nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng	Nội dung
1	04/QĐ-HĐQT/2012	01/01/2012	Quyết định bổ nhiệm Ông Trương Vĩnh Thành là Phó Tổng Giám Đốc Công ty phụ trách kinh doanh BĐS, kinh doanh tổng hợp, hợp tác Đầu tư và quản lý định mức khoán trong sản xuất kinh doanh.
2	140/12/NQ-HĐQT	24/04/2012	Nghị Quyết thông qua Kết quả SXKD năm 2011 và việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt.
3	2704/CV-CBTT/ASM	27/04/2012	V/v ký bản ghi nhớ với Tập đoàn Hào Vĩ Nguyên của Trung Quốc
4	01/NQ-ĐHCD/2012	12/05/2012	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 và kế hoạch kinh doanh năm 2012
5	56/BB-HĐQT/2012	03/12/2012	Về việc thành lập chi nhánh bệnh viện cao cấp Sao Mai

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Trong năm các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do Hội đồng quản trị tổ chức. Đồng thời, xem xét đóng góp nhiều ý kiến quan trọng trong các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị làm cơ sở cho Ban điều hành thực hiện.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty CP đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2010 – 2015 có 03 thành viên gồm 01 Trưởng ban và 02 ủy viên, cụ thể:

STT	Họ & Tên	Chức Vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Đình Hoài Ân	Trưởng ban	0	0
2	Lê Thanh Hân	Ủy viên	0	0
3	Lê Thị Tính	Ủy viên	0	0

Lý lịch trích ngang của thành viên Ban kiểm soát:



Trưởng Ban kiểm soát
Sao Mai An Giang

Ông Đình Hoài Ân sinh năm 1973 tại An Giang. Sau khi tốt nghiệp cử nhân kế toán, Ông công tác tại phòng kế toán Công ty CP XNK Thủy sản An Giang từ năm 2001. Năm 2002, Ông được mời về làm việc tại phòng kế toán Sao Mai An Giang. Sau đó, Ông chuyển sang công tác tại phòng Tài chính Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia từ năm 2007.

Sau đó, Ông Ân được bầu làm Trưởng Ban kiểm của Sao Mai An Giang đến nay.

Bà Lê Thị Tính sinh năm 1985 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng tài chính Kế toán, bà Tính làm việc tại phòng Kế toán của Sao Mai An Giang từ năm 2003.

Năm 2007, Bà công tác tại phòng Kế toán Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia và được bầu làm thành viên Ban Kiểm Soát của Sao Mai An Giang đến nay.



Ủy viên Ban Kiểm soát
Sao Mai An Giang



Ủy viên Ban Kiểm soát
Sao Mai An Giang

Ông Lê Thanh Hành sinh năm 1974 tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Sau khi tốt nghiệp trung cấp xây dựng, Ông vào làm việc tại Sao Mai An Giang. Từ năm 2000, ông Hành được bổ nhiệm làm Đội trưởng đội xây dựng số 01 Sao Mai An Giang.

Năm 2003, Ông công tác tại Ban quản lý dự án Khu dân cư Bình Khánh 3 – Sao Mai An Giang. Sau đó, Ông công tác tại phòng kế hoạch Sao Mai An Giang từ năm 2007.

Hiện tại, Ông là thành viên Ban Kiểm Soát của Sao Mai An Giang.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012 vừa qua, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp và tham gia nhiều hoạt động, cụ thể như sau:

- o Tham gia tổ chức, kiểm phiếu Đại hội cổ đông thường niên năm 2012;
- o Thẩm tra các báo cáo, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty;
- o Tham dự tương đối đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, đặc biệt là một số cuộc họp liên quan đến chiến lược phát triển công ty và tổng kết đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh;
- o Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực của chứng từ, sổ sách kế toán, xem xét, thẩm định các Báo cáo của công ty và tổ chức kiểm toán;
- o Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị, đệ trình báo cáo thẩm định các vấn đề này lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- o Đề xuất lên Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị những biện pháp sửa đổi, cải thiện và bổ sung cơ cấu tổ chức của Công ty hay việc quản lý và điều hành những hoạt động kinh doanh của Công ty;
- o Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.



III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Ngoài mức lương mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 phê duyệt cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì trong năm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác không được nhận thêm bất kỳ khoản thù lao, thưởng hay lợi ích nào khác.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Thanh Hành	Cổ đông liên quan đến cổ đông nội bộ	7.000	0,02	0	0	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
2	Lê Văn Long	Cổ đông liên quan đến cổ đông nội bộ	4.200	0,01	0	0	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
3	Lê Văn Tình	Cổ đông lớn	2.841.700	7,12	1.341.700	3,37	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
4	Lê Văn Thành	Cổ đông nội bộ	265.000	0,67	205.000	0,52	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
5	Cty cp đầu tư & phát triển Đa Quốc Gia IDI	Cổ đông liên quan đến cổ đông nội bộ	982.380	2,47	0	0	
6	Cty cp Địa Ốc Khoáng Sản Châu Á	Cổ đông liên quan đến cổ đông nội bộ	828.700	2,08	909.850	2,29	

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng năm 2012 đã được kiểm toán (khoản 2 mục 30 phần thuyết minh - trang 32).

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Về cơ bản công ty đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập:

❖ **Đơn vị: Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

- Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM;
- Điện thoại: (84.8) 38205944 Fax: (84.8) 38205942;
- Website: aascs.com.vn.

❖ **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến đã nêu trên. Tuy nhiên, chúng tôi cần lưu ý cho người đọc về khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2012 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang được nêu tại phần 2* thuyết minh số 11 về việc áp dụng phương pháp trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

(Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2012 hợp nhất đã kiểm toán được đính kèm ở phần sau của Báo cáo thường niên này).

Thành phố Long Xuyên, ngày 18 tháng 4 năm 2013

TM Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Nơi gửi:

- Quý cổ đông công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM (để b/c);
- Đăng Website công ty;
- Lưu VT, QHCD.

Lê Thanh Thuận





Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SAO MAI TỈNH AN GIANG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail:infor@aascs.com.vn Website:www.aascs.com.vn

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 35



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 4 năm 2012.

Lĩnh vực Kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mịn; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão...

Trụ sở chính: số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tổng vốn điều lệ là **397.362.020.000 VND** (Ba trăm chín mươi bảy tỉ ba trăm sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Các đơn vị thành viên

+ Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Miền Đông	Phước Hoà – Tân Thành – Bà Rịa –Vũng Tàu
+ Xí nghiệp đầu tư và xây dựng Đồng Khởi	165D2 An Thuận A - Mỹ Thạnh An, Thị xã Bến Tre
+ Chi nhánh tại Đắk Lắk	Trung tâm thương mại Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Lắk
+ Chi nhánh tại Tp. HCM	Số 9 Nguyễn Kim , phường 12 - Quận 5 - TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh tại Hòa Bình	10/b1 tổ 2A, P.Tân Thịnh, Tp.Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Công ty liên kết

+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	111.211.790.000 VND
+ Công ty CP ĐT Du Lịch và PT Thủy Sản	62.000.000.000 VND
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	3.110.000.000 VND
+ Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	24.000.000.000 VND

Công ty con

+ Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000 VND
----------------------------	--------------------

1729-
GTY
EM HUU HU
TƯ V
KẾ T
M TOÁN
NAM
HỒ C

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả hoạt động

- Lợi nhuận sau thuế:	+ Năm 2012	13.245.228.376 VND
	+ Năm 2011	66.491.785.833 VND
- Lợi nhuận chưa phân phối:	+ Tại thời điểm 31/12/2012	112.227.277.763 VND
	+ Tại thời điểm 31/12/2011	102.975.186.352 VND

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị và ban giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên
Bà : Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Ông : Lê Văn Thủy	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài chính
Bà : Lê Thị Phụng	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Đinh Hoài Ân	Trưởng ban kiểm soát
Bà : Lê Thị Tính	Ủy viên kiểm soát
Ông : Lê Thanh Hành	Ủy viên kiểm soát

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán của năm tài chính 2013.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
SAO MAI
TỈNH AN GIANG
TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG
Lê Thanh Thuận

Long Xuyên, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG
SAO MAI
TỈNH AN GIANG
TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG
Lê Thanh Thuận

Số: 324...../BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang****Kính gửi: Quý Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán **Báo cáo tài chính hợp nhất** của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang và các công ty con ("nhóm công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến đã nêu trên. Tuy nhiên, Chúng tôi cần lưu ý cho người đọc về khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2012 của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang được nêu tại phần 2* thuyết minh số 11 về việc áp dụng phương pháp trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ.0064 /KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2013**Kiểm toán viên****Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**

Chứng chỉ KTV số: 1091/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		976.692.503.225	897.400.539.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.112.698.329	32.613.021.079
1. Tiền	111		25.112.698.329	11.713.021.079
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	20.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	396.034.254.909	293.971.196.832
1. Phải thu khách hàng	131		207.507.787.781	181.047.241.416
2. Trả trước cho người bán	132		176.321.553.400	102.570.231.152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		12.204.913.728	10.353.724.264
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	454.746.002.962	406.761.413.201
1. Hàng tồn kho	141		454.746.002.962	406.761.413.201
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.799.547.025	164.054.908.235
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	169.875.000	358.023.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.067.274.422	12.458.528.582
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	508.030.543	315.931.489
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	47.054.367.060	150.922.424.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		601.122.561.792	480.851.607.954
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.193.850	39.193.850
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		39.193.850	39.193.850
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		236.789.668.764	175.359.853.571
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.829.300.597	25.716.048.430
- Nguyên giá	222		31.842.354.993	30.595.549.613
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.013.054.396)	(4.879.501.183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.204.165.000	4.246.425.000
- Nguyên giá	228		5.204.165.000	4.246.425.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	205.756.203.167	145.397.380.141
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	109.252.749.608	68.940.338.761
- Nguyên giá	241		124.326.913.350	81.335.026.307
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(15.074.163.742)	(12.394.687.546)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	241.685.720.063	223.966.981.055
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		216.386.642.119	218.466.981.055
3. Đầu tư dài hạn khác	258		25.323.000.000	5.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(23.922.056)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.440.099.678	1.991.734.278
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.440.099.678	1.991.734.278
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. LỢI THẾ THUƠng MẠI	269		7.915.129.829	10.553.506.439
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.577.815.065.017	1.378.252.147.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		898.885.775.058	711.161.372.532
I. Nợ ngắn hạn	310		743.534.534.870	589.086.535.532
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	513.191.988.857	440.541.620.223
2. Phải trả người bán	312		107.461.712.914	56.796.163.180
3. Người mua trả tiền trước	313		91.156.188.808	43.552.629.005
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	19.256.442.843	27.066.231.092
5. Phải trả người lao động	315			174.402.181
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	4.036.422.414	12.502.710.817
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.431.779.034	8.452.779.034
II. Nợ dài hạn	330		155.351.240.188	122.074.837.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		500.000.000	500.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	154.843.589.200	121.574.837.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		7.650.988	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		677.415.966.446	665.581.437.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	677.415.966.446	665.581.437.222
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		397.362.020.000	397.362.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		141.588.960.000	141.588.960.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			1.406.713.187
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.633.030.444	9.303.313.444
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.633.030.444	9.303.313.444
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.971.647.795	3.641.930.795
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		112.227.277.763	102.975.186.352
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		1.513.323.513	1.509.337.547
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)	440		1.577.815.065.017	1.378.252.147.301



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

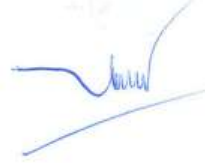
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		261.272.00	2.415.00
- Yên Nhật (JPY)			
- Euro (EUR)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phượng

Long Xuyên, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	1.185.080.072.642	925.168.789.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	166.983.783.989	51.558.094.198
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	1.018.096.288.660	873.610.695.060
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	897.650.663.250	688.760.734.505
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.445.625.410	184.849.960.555
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	8.008.593.051	26.255.685.785
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	66.781.495.329	65.081.736.187
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		65.259.715.000	47.222.530.352
8. Chi phí bán hàng	24		33.613.352.031	35.723.016.607
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.976.364.650	23.851.792.467
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.083.006.451	86.449.101.079
11. Thu nhập khác	31	VI.24	154.928.343	8.605.264.630
12. Chi phí khác	32	VI.25	3.408.704.380	8.219.155.146
13. Lợi nhuận khác	40		(3.253.776.037)	386.109.484
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		7.388.041.767	839.171.250
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.217.272.181	87.674.381.813
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.26	1.964.392.817	21.182.595.980
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.27	7.650.988	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.245.228.376	66.491.785.833
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.985.965	5.928.809
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		13.241.242.411	66.485.857.024
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.28	333	1.951

Long Xuyên, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Tố Ngân



Lê Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

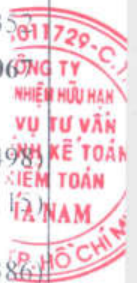
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			19.053.234.572	87.674.381.813
2. Điều chỉnh cho các khoản				
1. Khấu hao tài sản cố định	02		4.545.955.295	3.863.750.321
2. Các khoản dự phòng	03		13.009.504	
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(30.991.405)	
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.927.084.113)	(8.194.305.419)
5. Chi phí lãi vay	06		62.834.625.565	47.222.530.353
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.488.749.418	130.566.357.067
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.000.406.340)	(111.574.152.498)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(47.984.589.761)	(61.224.999.115)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		105.646.952.924	(167.107.887.386)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.260.217.200)	693.886.141
- Tiền lãi vay đã trả	13		(92.688.517.267)	(47.222.530.352)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.096.304.882)	(24.165.190.067)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			127.137.687.804
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			(196.028.120.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.105.666.892	(348.924.948.734)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(93.150.185.994)	(29.942.936.077)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			200.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.263.000.000)	(43.128.973.891)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.930.000.000	15.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.927.084.113	7.328.052.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(107.556.101.881)	(50.043.857.151)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			199.108.920.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.849.098.549.048	1.228.770.945.620
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.743.179.428.214)	(1.098.461.038.589)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(129.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		105.919.120.834	329.289.527.031
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		22.468.685.845	(69.679.278.854)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.613.021.079	102.231.328.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		30.991.405	60.971.828
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		55.112.698.329	32.613.021.079

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Phụng

Long Xuyên, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Lê Thanh Thuận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600169024 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009; đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 4 năm 2012.

Tổng vốn điều lệ là 397.362.020.000 VND (Ba trăm chín mươi bảy tỉ ba trăm sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) .

Trụ sở chính của công ty tại số 326 Hùng Vương, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, sản xuất.

1.3. Ngành nghề kinh doanh của Công Ty gồm:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão...

1.4 Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con		: 01 Công ty
Tên công ty	Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	
Địa chỉ	Số 09 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP.HCM.	
Vốn điều lệ	50.000.000.000 VND	
Tỷ lệ góp vốn	66%	
Công ty liên kết		: 04 Công ty
▪ Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I	
Địa chỉ	QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T.Đồng Tháp	
Vốn điều lệ	380.000.000.000 VND	
Tỷ lệ góp vốn	24,65%	
▪ Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	
Địa chỉ	290A/6 Đường 955, Khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	
Vốn điều lệ	150.000.000.000 VND	
Tỷ lệ góp vốn	26,00%	
▪ Tên công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	
Địa chỉ	Quốc lộ 81, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	
Vốn điều lệ	120.000.000.000 VND	
Tỷ lệ góp vốn	26,67%	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

Tên công ty	Công ty Cổ phần ĐT Tài chính và Truyền thông Quốc Tế
Địa chỉ	Khóm Xuân Hòa, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Vốn điều lệ	10.000.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	26,00%

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai Tỉnh An Giang và báo cáo tài chính của các Công ty con ("nhóm Công ty") được hợp nhất như sau:

	Giá trị đầu tư ghi nhận 31/12/2012	Tỷ lệ quyền biểu 31/12/2012
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	33.000.000.000 VND	66%

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang (công ty mẹ) và Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát (công ty con) gọi tắt "Công ty".

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

4.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4.3 Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại sổ dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sổ dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tỷ giá mua vào tại ngày 31/12/2012 của đồng US Dollar

	US dollar
Ngân hàng TMCP Á Châu	20.810
Ngân hàng BIDV CN Kiên Giang	20.800
Ngân hàng TMCP Liên Việt	20.828
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	20.860
Ngân hàng Ngoại Thương An Giang	20.810
Tỷ giá bình quân	20.822

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và có điều chỉnh vào cuối kỳ kế toán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Quyết định 203/2009/QĐ/BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012**

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Phần mềm quản lý	04 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

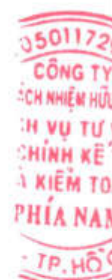
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

Năm 2012, Thuế TNDN được giảm 30% theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài Chính đối với Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

12. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

13. Công cụ tài chính

13.1. Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

13.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN

		Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt - VND		12.952.737.001	10.310.451.843
+ Tiền mặt VND		12.952.737.001	10.310.451.843
+ Tiền mặt ngoại tệ-USD			
- Tiền gửi ngân hàng	PL01	12.159.961.328	1.402.569.236
+ Tiền gửi VND		6.719.758.752	1.352.269.617
+ Tiền gửi ngoại tệ		5.440.202.576	50.299.619
- Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	20.900.000.000
Cộng		55.112.698.329	32.613.021.079

02. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	207.507.787.781	181.047.241.416
- Trả trước cho người bán	176.321.553.400	102.570.231.152
- Phải thu khác	12.204.913.728	10.353.724.264
+ Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	17.940.800	17.940.800
+ BHXH nộp thừa	124.114.868	17.403.848
+ BHYT nộp thừa	37.075.740	3.559.878
+ BHTN nộp thừa	11.491.846	1.582.168
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát		
+ Ông Trần Minh Trí	6.893.290.000	7.892.740.000
+ Công ty CP ĐT PT THS ĐQG IDI (bảo hiểm)	220.184.025	68.305.080
+ Công ty CP Tresedco	182.842.986	27.363.192
+ Công ty CP ĐT Địa ốc & KS Châu Á	2.452.000.000	
+ Công ty CP ĐT Địa ốc & KS Châu Á (tiền BH)	19.119.672	6.309.672
+ Công ty Việt Sinh	1.485.336.726	1.485.336.726
+ Công ty Cơ Giới Lâm Đồng (Đào Duy Khâ)	100.000.000	100.000.000
+ Phải thu Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	547.680.000	547.680.000
+ Đối tượng khác (tiền bảo hiểm)	113.837.065	185.502.900
Cộng	396.034.254.909	293.971.196.832

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

03. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	1.004.796.776	1.611.400.670
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.990.755.322	43.964.973.248
- Hàng gửi đi bán	27.181.810.942	23.690.446.825
- Hàng hóa bất động sản	381.568.639.922	337.494.592.458
Cộng giá trị gốc hàng tồn kho	454.746.002.962	406.761.413.201

04. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phân bổ chi phí SXKD năm	Số cuối năm
In thiệp+lich năm 2012	218.500.000		218.500.000	
Phần mềm QLKS resort	44.323.200		44.323.200	
Bao đựng quà tết	95.200.000		95.200.000	
In thiệp+lich năm 2013		226.500.000	56.625.000	169.875.000
Cộng	358.023.200	226.500.000	414.648.200	169.875.000

05. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	65.868.550	
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	376.779.400	251.931.489
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	65.382.593	64.000.000
Cộng	508.030.543	315.931.489

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

06. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng (*)	47.054.367.060	150.922.424.964
Cộng	47.054.367.060	150.922.424.964

(*) Chủ yếu tạm ứng cho nhân viên Công ty đi mua đất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, Phương tiện vận thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	22.708.828.544	1.189.305.029	2.337.225.075		30.595.549.613
- Mua trong năm	77.272.727	945.572.727	956.885.812		1.979.731.266
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Thanh lý, nhượng bán		(44.595.409)	(517.500.000)	(170.830.477)	(732.925.886)
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	22.708.828.544	1.221.982.347	4.788.263.692	3.123.280.410	31.842.354.993
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	634.729.932	247.480.811	2.647.628.807	1.349.661.633	4.879.501.183
- Khấu hao trong năm	456.062.808	195.180.718	736.503.511	478.732.062	1.866.479.099
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Thanh lý, nhượng bán		(44.595.409)	(517.500.000)	(170.830.477)	(732.925.886)
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	1.090.792.740	398.066.120	2.866.632.318	1.657.563.218	6.013.054.396
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	22.074.098.612	941.824.218	1.712.562.158	987.563.442	25.716.048.430
- Tại ngày cuối năm	21.618.035.804	823.916.227	1.921.631.374	1.465.717.192	25.829.300.597

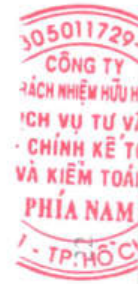
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bảng quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	4.246.425.000				4.246.425.000
- Mua trong năm	957.740.000				957.740.000
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	5.204.165.000				5.204.165.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm					
- Khấu hao trong năm					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm					
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	4.246.425.000				4.246.425.000
- Tại ngày cuối năm	5.204.165.000				5.204.165.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản dở dang:		
+ Khu chung cư cao cấp huyện Nhà Bè Tp.HCM	53.096.416	53.096.416
+ Khu dân cư Bình Khánh 3-Đường giải thoát giao thông	1.118.523.083	1.116.423.083
+ Khu dân cư Bình Khánh 5	13.305.433.168	6.502.659.291
+ Khu dân cư Bình Khánh 3	18.979.877.199	44.509.092
+ Khu dân cư Phường 7 - Thị xã Bến Tre	8.243.659.176	7.699.278.542
+ Khu dân cư Cái Dầu - Châu Phú	35.018.949.851	25.545.816.660
+ Khu dân cư Chợ Vàm - Huyện Phú Tân	80.000.000	80.000.000
+ Khu dân cư Hội An - Huyện Chợ Mới	4.919.225.385	4.207.714.192
+ Khu dân cư Hoà Bình	1.614.397.310	1.041.661.056
+ Khu đô thị P.10 Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	882.034.099	760.157.599
+ Khu dân cư Phú Hòa huyện Thoại Sơn	227.551.396	227.551.396
+ Khu dân cư Thị trấn Tri Tôn	60.339.006.835	50.582.313.011
+ Khu dân cư Sao Mai - Lấp Vò		156.000.000
+ Khu dân cư Xuân Biên - Tịnh Biên	11.515.356.866	
+ Khu dân cư Hàn Quốc (resort Vũng Tàu)	2.078.892.383	
+ Mua đất xây dựng "khu văn phòng và nhà ở cao tầng"	47.380.200.000	47.380.200.000
Cộng	205.756.203.167	145.397.380.141

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	81.335.026.307	42.991.887.043		124.326.913.350
- Quyền sử dụng đất	26.494.055.946	40.880.950.000		67.375.005.946
- Nhà	54.840.970.361	2.110.937.043		56.951.907.404
II. Giá trị hao mòn lũy kế	12.394.687.546	2.679.476.196		15.074.163.742
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	12.394.687.546	2.679.476.196		15.074.163.742
III. Giá trị còn lại	68.940.338.761			109.252.749.608
- Quyền sử dụng đất	26.494.055.946			67.375.005.946
- Nhà	42.446.282.815			41.877.743.662

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số cuối năm

Số đầu năm

	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ đầu tư
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		216.386.642.119			218.466.981.055	
a. Giá trị đầu tư		200.321.790.000			199.811.790.000	
Cty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	8.566.479	111.211.790.000	22,54%	8.566.479	111.211.790.000	24,65%
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	6.200.000	62.000.000.000	41,33%	6.200.000	62.000.000.000	41,33%
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	2.400.000	24.000.000.000	20,00%	2.400.000	24.000.000.000	20,00%
Cty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế	311.000	3.110.000.000	26,60%	260.000	2.600.000.000	26,60%
b. Phần lãi trong công ty liên kết thuộc về Công ty		16.064.852.119			18.655.191.055	
2. Đầu tư dài hạn khác		25.323.000.000			5.500.000.000	
Cty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	641.000	6.410.000.000	8,01%		5.500.000.000	6,88%
Cty CP Nhựt Hồng (*)	1.891.300	18.913.000.000				
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(23.922.056)				
Cty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính		(23.922.056)	8,01%			
		241.685.720.063			223.966.981.055	

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Nhựt Hồng theo Quyết định số 038/QĐ.HĐQT-ASM.2012 ngày 24 tháng 08 năm 2012 đầu tư dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A, khu A xã Lý Văn Lâm, Tp Cà Mau. Tổng giá trị đầu tư 15.950.000.000 đồng vào Công ty CP Nhựt Hồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648648 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 04 ngày 04/02/2010.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	544.543.651	141.432.969
- Chi phí quảng cáo		998.503.168
- Chi phí khác	1.419.746.440	851.798.141
- Chi phí đào tạo cán bộ nguồn	3.475.809.587	
Cộng	5.440.099.678	1.991.734.278

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	513.191.988.857	440.541.620.223
- Vay ngân hàng	509.889.308.857	366.564.299.620
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Kiên Giang	64.789.459.800	41.084.299.620
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	237.699.849.057	132.500.000.000
Ngân hàng Phát triển An Giang	207.400.000.000	192.980.000.000
- Vay đối tượng khác	3.302.680.000	73.977.320.603
Cty CCK NH NN CN Tp.HCM		8.400.000.000
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản		34.986.000.000
Vay cá nhân	3.302.680.000	30.591.320.603

Nợ dài hạn đến hạn trả

Cộng	513.191.988.857	440.541.620.223
-------------	------------------------	------------------------

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.220.709.068	1.898.585.252
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.035.733.775	25.167.645.840
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	19.256.442.843	27.066.231.092

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn		38.653.620
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.036.422.414	12.464.057.197
+ Chia cổ tức	1.043.084.000	1.043.084.000
+ Thuế TNCN		323.272.265
+ Mượn vốn Công ty CP IDI		9.000.000.000
+ Phải trả khác (*)	2.993.338.414	2.097.700.932
Cộng	4.036.422.414	12.502.710.817

(*): Chủ yếu là tiền khách hàng góp vốn liên doanh mua nền ở khu dân cư đang triển khai giai đoạn đầu (bồi hoàn) và góp vốn vào Công ty.

16. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	154.843.589.200	121.574.837.000
- Vay ngân hàng	146.250.798.400	121.574.837.000
Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	115.430.798.400	34.814.000.000
Ngân hàng Phát triển An Giang		10.065.843.000
Ngân hàng Phương Đông - CN An Giang	30.820.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng Sài Gòn - CN An Giang		44.694.994.000
- Vay đối tượng khác	8.592.790.800	
Cty CP Tư Vấn XD & ĐT Tài Chính	500.000.000	
Đối tượng khác	8.092.790.800	
Nợ dài hạn		
+ Thuê tài chính		
+ Nợ dài hạn khác		
Cộng	154.843.589.200	121.574.837.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	99.126.000.000	141.588.960.000	(1.472.150.923)		148.684.418.953	6.161.382.649	6.161.382.649	400.249.993.328
Tăng vốn trong năm trước	298.236.020.000		2.878.864.110					301.114.884.110
Lãi trong năm trước					66.485.857.024			66.485.857.024
Tăng khác								
Trích lập các quỹ				3.641.930.795	(13.067.723.180)	3.141.930.795	3.141.930.795	(3.141.930.795)
Chia cổ tức					(99.126.000.000)			(99.126.000.000)
Giảm khác					(1.366.445)			(1.366.445)
Số dư cuối năm trước	397.362.020.000	141.588.960.000	1.406.713.187	3.641.930.795	102.975.186.352	9.303.313.444	9.303.313.444	665.581.437.222
Tăng vốn trong năm			63.731.118					63.731.118
Lãi trong năm					13.241.242.411			13.241.242.411
Giảm vốn trong năm			(1.401.178.920)					(1.401.178.920)
Trích lập các quỹ				1.329.717.000	(3.989.151.000)	1.329.717.000	1.329.717.000	
Chia cổ tức								
Giảm khác					(69.265.385)			(69.265.385)
Số dư cuối năm	397.362.020.000	141.588.960.000		4.971.647.795	112.227.277.763	10.633.030.444	10.633.030.444	677.415.966.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	397.362.020.000	100%	397.362.020.000	100%
Cộng	397.362.020.000	100%	397.362.020.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	397.362.020.000	99.126.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		298.236.020.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	397.362.020.000	397.362.020.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		99.126.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong năm		29.823.602
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong năm		29.823.602
- Cổ phiếu phổ thông		29.823.602
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối năm	39.736.202	39.736.202
- Cổ phiếu phổ thông	39.736.202	39.736.202
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000d/CP



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bất động sản	149.238.274.861	229.233.587.023
Doanh thu thương mại	9.909.807.189	659.857.983.008
Doanh thu thuần dịch vụ	980.778.960.644	11.278.539.669
Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.153.029.955	24.798.679.558
Cộng	1.185.080.072.649	925.168.789.258

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	30.109.186.780	
Hàng bán bị trả lại	68.874.597.209	51.070.742.383
Hàng bán bị trả lại (BĐS đầu tư)	68.000.000.000	
Cộng	166.983.783.989	51.070.742.383

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bất động sản	141.360.119.652	178.162.844.640
Doanh thu thuần dịch vụ	9.927.079.916	11.278.539.669
Doanh thu thương mại	889.656.059.137	659.370.631.193
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	45.153.029.955	24.798.679.558
Bất động sản đầu tư bị trả lại	(68.000.000.000)	
Cộng	1.018.096.288.660	873.610.695.060

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	35.588.630.291	53.079.270.794
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.017.694.657	10.414.343.470
Giá vốn thương mại	847.062.870.721	606.264.842.901
Giá vốn hợp đồng xây dựng	41.662.417.581	19.002.277.340
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	(35.680.950.000)	
Cộng	897.650.663.250	688.760.734.505

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.300.331.774	8.194.305.419
- Doanh thu lãi HĐ 1/2012-SM/IDI	952.809.100	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.603.952	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	991.056.314	18.061.380.366
- Lãi bán hàng trả chậm	88.156.400	
- Lãi phạt trễ hạn tiền mua nền	16.450.000	
- Thu tiền hỗ trợ lãi suất xuất khẩu	3.629.185.511	
Cộng	8.008.593.051	26.255.685.785

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Lãi tiền vay cá nhân
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Chi phí tài chính khác (nộp thuế TNCN)

Cộng

Năm nay	Năm trước
64.126.115.573	47.222.530.352
1.291.490.008	
1.067.496.775	443.906.138
23.922.056	
215.389.554	17.415.299.697
57.081.363	
66.781.495.329	65.081.736.187

24. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý tài sản khu resort
- Thu lãi trả chậm thanh toán
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
6.900.000	
103.046.300	
44.982.043	8.605.264.630
154.928.343	8.605.264.630

25. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm lĩnh vực thuế (*)
- Chênh lệch do thanh toán
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.300.929.330	
60.000.000	
47.775.050	8.219.155.146
3.408.704.380	8.219.155.146

(*) Đây là số tiền phạt vi phạm về lĩnh vực thuế theo quyết định của Cơ quan thuế về việc kiểm tra quyết toán năm tài chính từ năm 2006 đến năm 2010. Tuy nhiên, số tiền phạt nêu trên chưa đúng quy định. Vì vậy Công ty đã gửi công văn giải trình lên Sở Tài chính và Ủy Ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đang chờ kết luận chính thức của hai cơ quan này.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.964.392.817	21.182.595.980
1.964.392.817	21.182.595.980

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Cộng

Năm nay	Năm trước
7.650.988	
7.650.988	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	13.241.242.411	66.485.857.024
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	39.736.202	34.082.827
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	333	1.951

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.019.545.964	232.289.602.724
Chi phí nhân công	17.457.341.076	12.658.362.196
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.545.955.295	1.971.715.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	796.358.834	2.157.930.008
Chi phí khác bằng tiền	1.138.838.374	4.523.333.981
Cộng	255.958.039.543	253.600.944.621

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

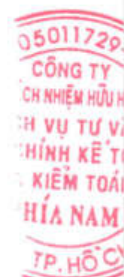
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Năm 2012

Thu nhập của các thành viên chủ chốt	2.802.878.478 VND
Tiền chi phí đào tạo con em cán bộ chủ chốt	3.475.809.587 VND



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

3. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo Tài chính nội bộ của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Xây dựng, Bất động sản, xuất khẩu cá. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Lĩnh vực kinh doanh: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh là các hoạt động được phân loại thành các lĩnh vực như sau:

Chỉ tiêu	Kinh doanh bất động sản	Doanh thu xây dựng	Doanh thu thương mại	Doanh thu dịch vụ	Tổng
Doanh thu bán hàng	73.360.119.652	45.153.029.955	889.656.059.137	9.927.079.916	1.018.096.288.660
Giá vốn bán hàng	(92.319.709)	41.662.417.581	847.062.870.721	9.017.694.657	897.650.663.250
Lợi nhuận gộp	73.452.439.361	3.490.612.374	42.593.188.416	909.385.259	120.445.625.410

Công ty chỉ trình bày chỉ tiêu năm 2012, chỉ tiêu so sánh năm 2011 đơn vị không lập do không theo dõi

Khu vực địa lý: Khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung ở tỉnh An Giang, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không phát sinh các khoản thuê hoạt động nên không trình bày

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012**

Đơn vị tính: VND

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty)

- Công ty không có rủi ro ngoại tệ và độ nhạy về tỷ giá do việc mua bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

- Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

- Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Đối với khoản phải thu khách hàng

Rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng được quản lý bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Kinh doanh và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng giám đốc. Liên quan tới các khoản phải thu từ khách hàng nước ngoài, Công ty cũng thường yêu cầu khách hàng phải thanh toán trước giá trị hàng hóa, hoặc yêu cầu đảm bảo cho các khoản phải thu còn lại.

Tại ngày 31/12/2012, các khoản phải thu bị quá hạn hay có nguy cơ tổn thất không có phát sinh.

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2012**

Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, vô hình và bất động sản đầu tư cho các khoản vay.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

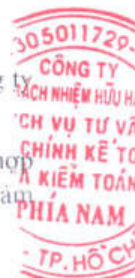
	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	513.191.988.857	154.843.589.200		668.035.578.057
Phải trả cho người bán	107.461.712.914	500.000.000		107.961.712.914
Các khoản phải trả khác	4.036.422.414			4.036.422.414
Cộng	624.690.124.185	155.343.589.200		780.033.713.385
Số đầu năm				
Vay và nợ	440.541.620.223	121.574.837.000		562.116.457.223
Phải trả cho người bán	56.796.163.180	500.000.000		57.296.163.180
Phải trả người lao động	174.402.181			174.402.181
Các khoản phải trả khác	12.502.710.817			12.502.710.817
Cộng	510.014.896.401	122.074.837.000		632.089.733.401

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp; Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

7. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) kiểm toán.

8. THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo tài chính riêng đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất 2012 bao gồm các công ty:

Cty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản
Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á
Cty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế
Cty CP Tư Vấn XD & ĐT Tài Chính

: Đã được kiểm toán
: Chưa được kiểm toán
: Chưa được kiểm toán
: Chưa được kiểm toán
: Chưa được kiểm toán
: Chưa được kiểm toán

Người lập biểu

Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng

Lê Thị Phụng

Long Xuyên, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Lê Thanh Thuận



SAO MAI CONSCORP

www.saomaiconscorp.com

